

HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ THÙY TRANG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN CƠ SỞ MÁY, GIA CÔNG QUẦN ÁO XUẤT KHẨU
VÀ SẢN XUẤT PHỤ LIỆU GIÀY DÉP**

Địa điểm: xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Hải Dương, năm 2024

HỘ KINH DOANH TRẦN THỊ THÙY TRANG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN CƠ SỞ MÁY, GIA CÔNG QUẦN ÁO XUẤT KHẨU
VÀ SẢN XUẤT PHỤ LIỆU GIÀY DÉP
Địa điểm: xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

CHỦ DỰ ÁN

Trang

Trần Thị Thùy Trang

Hải Dương, năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	2
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	2
2. Tên dự án đầu tư	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất	3
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	3
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	3
3.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án	3
a. Quy trình sản xuất, gia công quần áo:.....	3
b. Quy trình sản xuất phụ liệu giày dép (lót giày, mũ giày)	4
3.2.2. Danh mục máy móc thiết bị của Dự án.....	5
3.3. Sản phẩm của Dự án	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước.....	7
a. Nhu cầu về nguyên vật liệu.....	7
b. Nhu cầu về điện, nước, hóa chất, lao động.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	8
5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án.....	8
a. Cơ cấu sử dụng đất.....	8
b. Các hạng mục công trình xây dựng	8
5.2. Nguồn vốn.....	11
5.3. Nhu cầu về lao động	11
5.4. Tiến độ thực hiện dự án	12
Chương II.....	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....	13
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	14
Chương III.....	15
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	15
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	15
1.1. Hiện trạng môi trường khu vực dự án.....	15
1.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật.....	15
a. Đa dạng sinh học trên cạn	15

b. Đa dạng sinh học dưới nước	15
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	16
3. Hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện Dự án	16
3.1. Kết quả quan trắc môi trường không khí.....	16
3.2. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tại khu vực dự án.....	17
Chương IV	19
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	19
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	19
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	19
1.1. Đối với nước thải và nước mưa chảy tràn	19
a. Đối với nước thải sinh hoạt.....	19
b. Đối với nước mưa chảy tràn và nước thải thi công	19
1.2. Đối với chất thải rắn thông thường.....	19
a. Chất thải rắn xây dựng	19
b. Chất thải rắn sinh hoạt	20
1.3. Đối với chất thải nguy hại.....	20
1.4. Đối với bụi và khí thải	21
a. Giảm thiểu bụi và khí thải do vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.....	21
b. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt máy móc.....	21
c. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do quá trình hàn, sơn.....	21
1.5. Giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn và rung động.....	21
1.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	22
a. Các biện pháp đảm bảo an ninh và các vấn đề xã hội khu vực	22
b. Các biện pháp an toàn lao động.....	22
c. Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông	22
d. Các giải pháp phòng chống sự cố cháy nổ	22
e. Giải pháp với trường hợp ngập úng.....	23
f. Đối với đối tượng xung quanh	24
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	24
2.1. Công trình xử lý nước thải.....	24
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	32
a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông.....	32
b. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động may mặc.....	32
c. Đối với hoạt động của nồi hơi.....	33
d. Đối với mùi và khí thải từ bếp ăn	33

2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	34
a. Đối với chất thải rắn sản xuất.....	34
b. Chất thải rắn sinh hoạt	35
c. Đối với chất thải nguy hại.....	35
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh.....	37
2.5. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.....	38
a. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải ...	38
b. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	39
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	43
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án.....	43
3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục	43
3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.....	44
3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT	45
3.5. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	46
a. Giai đoạn thi công xây dựng	46
b. Giai đoạn vận hành	46
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	47
Chương V.....	49
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	49
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	49
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có.....	50
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	50
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại	50
4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn và chất thải nguy hại	50
4.2. Biện pháp quản lý chất thải.....	51
a. Chất thải sinh hoạt.....	51
b. Chất thải rắn thông thường	52
c. Chất thải nguy hại	52
Chương VI	53
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	53
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	53
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	53
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	53

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	53
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	53
2.1.1. Quan trắc nước thải.....	53
2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp.....	53
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	53
Chương VIII.....	54
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	54

DANH MỤC BẢNG/HÌNH

Bảng 1. Máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất.....	5
Bảng 2. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm sản xuất của Dự án.....	7
Bảng 3. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm sản xuất của Dự án.....	7
Bảng 4. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án.....	8
Bảng 5. Danh mục các hạng mục công trình của Dự án.....	8
Bảng 6. Kết quả phân tích môi trường không khí.....	16
Bảng 7. Kết quả quan trắc nước mặt khu vực dự án.....	17
Bảng 8. Thông số kỹ thuật của HTXLNT 20m ³ /ngày đêm	30
Bảng 9. Các thông số máy móc thiết bị của hệ thống xử lý	30
Bảng 10. Danh mục các chất thải sản xuất	34
Bảng 11. Khối lượng và thành phần CTNH	35
Bảng 12. Dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại tại kho chứa.....	36
Bảng 13. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	43
Bảng 14. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường.....	43
Bảng 15. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường	44
Bảng 16. Kinh phí đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	45
Bảng 17. Kinh phí vận hành các công trình BVMT	46
Sơ đồ 1. Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm quần áo	3
Sơ đồ 2. Quy trình gia công lát giày, mũ giày	4
Bản vẽ quy hoạch mặt bằng được phê duyệt đính kèm phụ lục	9
Sơ đồ 3. Hệ thống thu gom, thoát nước thải	25
Sơ đồ 4. Cấu tạo bể tách mỡ	25
Sơ đồ 5. Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn.....	26
Sơ đồ 6. Quy trình xử lý nước thải của Dự án	27
Sơ đồ 7. Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải đính kèm phụ lục.....	31
Sơ đồ 8. Hệ thống thu gom thoát nước mưa của Dự án.....	32
Sơ đồ 9. Quy trình thu gom, xử lý chất thải thông thường và CTNH	34

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
CCN	Cụm công nghiệp
HĐBM	Hoạt động bề mặt
HTXLNT	Xử lý nước thải
MTV	Một thành viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở may, gia công quần áo xuất khẩu và dịch vụ thương mại tổng hợp của bà Vũ Thị Vên được UBND huyện Kim Thành chấp thuận dự án đầu tư từ năm 2013 và đã được UBND huyện Kim Thành cấp Giấy chứng nhận, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 349242 ngày 12/6/2024.

Sau khi được chấp thuận đầu tư dự án, Hộ kinh doanh đã hoàn thành các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, PCCC và đã được cấp:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 349242 ngày 06/6/2014.

+ Giấy phép xây dựng số 965/GPXD-UBND ngày 30/9/2015;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 138/TD-PCCC(2014) ngày 25/11/2014;

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 517016 ngày 12/6/2024.

Hộ kinh doanh Vũ Thị Vên đã xây dựng hoàn thành một số hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt, như: Nhà điều hành 275,0m², nhà kho 1.125,0m² các công trình phụ trợ. Đồng thời, Hộ kinh doanh Vũ Thị Vên đã đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, đưa dự án đi vào hoạt động.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai dự án, do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài, suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án, việc kinh doanh của HKD không đạt hiệu quả, vì vậy Hộ kinh doanh Trần Thị Thùy Trang đã quyết định mua lại tài sản mà Hộ kinh doanh Vũ Thị Vên có nhu cầu chuyển nhượng, bao gồm nhà xưởng, các công trình xây dựng, phụ trợ không thể tách rời được xây dựng trên diện tích đất thuê 5.808,0m² tại xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 517016 do UBND huyện Kim Thành cấp ngày 12/6/2024 cho Hộ kinh doanh Vũ Thị Vên để thực hiện dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở may, gia công quần áo xuất khẩu và dịch vụ thương mại tổng hợp của bà Vũ Thị Vên”.

Như vậy Dự án Cơ sở may, gia công quần áo xuất khẩu và sản xuất phụ liệu giày dép của Hộ kinh doanh Trần Thị Thùy Trang thuộc nhóm III theo mục số II.2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ vào khoản 4, điều 41, Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng phải lập hồ sơ xin cấp phép môi trường trình UBND huyện Kim Thành phê duyệt theo hướng dẫn tại phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

nhóm C theo Luật Đầu tư công (căn cứ theo khoản 3 Điều 10, Luật Đầu tư công năm 2019) và thuộc nhóm III theo Mục 2 Phụ lục V, Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất

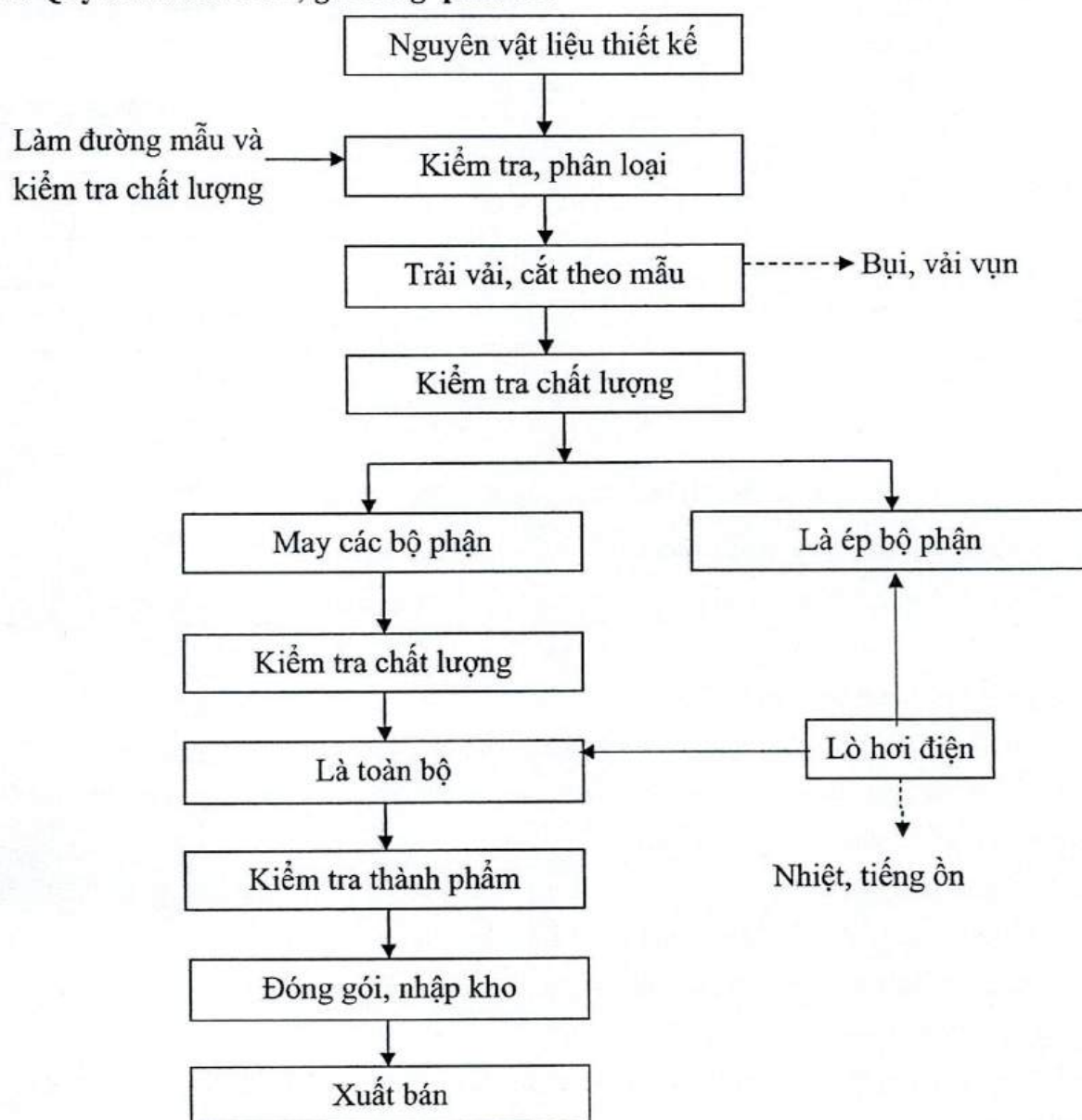
3.1. Công suất của dự án đầu tư

- + Gia công quần các loại: 150.000 sản phẩm/năm
- + Gia công áo các loại: 100.000 sản phẩm/năm
- + Sản xuất phụ liệu giấy dép (đế giày, lót mặt của ngành giấy da...): 80.000 chiếc/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự án

a. Quy trình sản xuất, gia công quần áo:

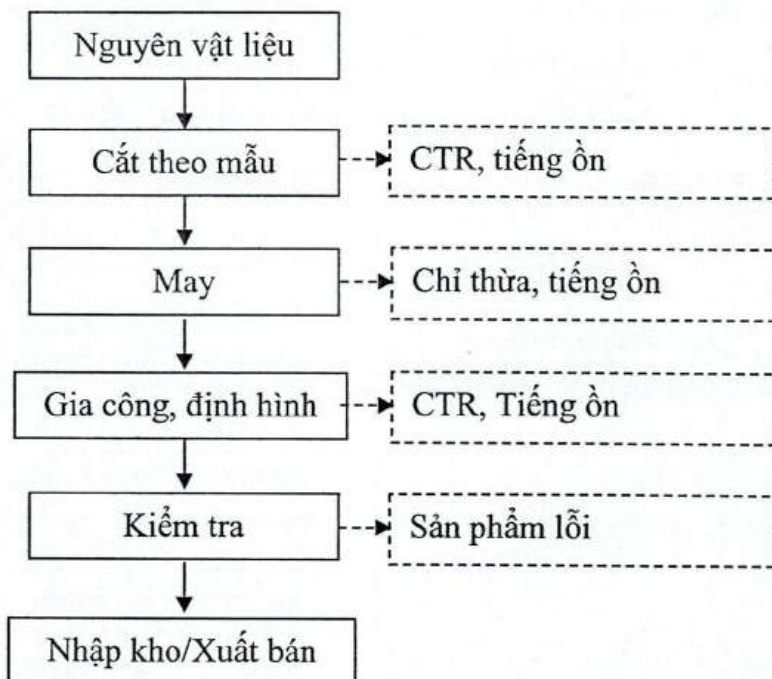


Sơ đồ 1. Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm quần áo

* Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu nhập về kiểm tra đưa vào kho chứa, một phần đưa xuống phân xưởng cắt, các cuộn vải được trải lên bàn cắt nhờ các máy trải vải. Trải mẫu lên mặt vải, dùng máy cắt vải theo đường mẫu, qua công đoạn kiểm tra, đưa đến các phân xưởng may, kết hợp may và là ép các bộ phận của sản phẩm. Trước khi đóng gói, xuất kho, sản phẩm được là hơi và kiểm tra lần cuối, loại bỏ các sản phẩm lỗi, không đạt yêu cầu xuất kho.

b. Quy trình sản xuất phụ liệu giày dép (lót giày, mũ giày)



Sơ đồ 2. Quy trình gia công lót giày, mũ giày

* Thuyết minh quy trình sản xuất

Mũ giày là phần trên của giày, thường làm từ da, vải, hoặc vật liệu tổng hợp như PU, PVC.

- Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

+ Chọn vật liệu: Da tự nhiên, da tổng hợp, vải hoặc vật liệu nhựa tổng hợp.

+ Xử lý nguyên liệu: Nguyên liệu được xử lý để tăng độ bền, độ mềm và tính thẩm mỹ (thuộc da, cán mỏng, ép màu).

- Bước 2: Cắt vật liệu

+ Sử dụng máy cắt để cắt các mảnh vật liệu theo mẫu đã thiết kế.

+ Phân loại: Phân các mảnh đã cắt theo kích thước và chức năng.

- Bước 3: May và ghép nối

+ May các mảnh: Các phần vật liệu được may hoặc dán lại để tạo hình cơ bản của mũ giày.

+ Thêm lớp lót: Một lớp vải hoặc da mỏng được lót bên trong để tăng sự thoải mái.

- Bước 4: Gia công và định hình

+ Ép nhiệt: Dùng máy ép nhiệt hoặc máy hút chân không để định hình mũ giày.

+ Gia công: Thêm các chi tiết gia công như gót, mũi hoặc các đường viền, có thể sử dụng keo để gắn/gia công chi tiết.

- Bước 5: Kiểm tra và hoàn thiện

+ Kiểm tra chất lượng: Kiểm tra độ bền, đường may, và thẩm mỹ.

+ Hoàn thiện: Làm sạch, đánh bóng, thêm logo hoặc các chi tiết trang trí

3.2.2. Danh mục máy móc thiết bị của Dự án

Danh mục máy móc, thiết bị của Dự án dự kiến như sau:

Bảng 1. Máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất

TT	Máy móc thiết bị	ĐTV	Số lượng	Nguồn gốc	Tình trạng Thiết bị
1	Máy khâu	chiếc	50	TrungQuốc	Mới 100%
2	Máy vắt sô 2K5 chỉ	chiếc	10	TrungQuốc	Mới 100%
3	Máy vắt sô 2K4 chỉ	chiếc	5	TrungQuốc	Mới 100%
4	Máy đột	chiếc	8	TrungQuốc	Mới 100%
5	Máy đính cúc	chiếc	5	TrungQuốc	Mới 100%
6	Máy thừa	chiếc	6	TrungQuốc	Mới 100%
7	Máy thừa tròn	chiếc	6	TrungQuốc	Mới 100%
8	Máy vắt gấu	chiếc	6	TrungQuốc	Mới 100%
9	Máy ép méch	chiếc	5	TrungQuốc	Mới 100%
10	Máy cắt vòng	chiếc	6	TrungQuốc	Mới 100%
11	Nồi hơi điện	chiếc	5	TrungQuốc	Mới 100%
12	Bàn là điện	chiếc	10	TrungQuốc	Mới 100%
13	Máy cắt tay	chiếc	8	TrungQuốc	Mới 100%
14	Máy cắt đầu bàn	chiếc	5	TrungQuốc	Mới 100%
15	Bàn cắt 5m	chiếc	5	TrungQuốc	Mới 100%
16	Hệ thống máy vẽ sơ đồ	chiếc	2	TrungQuốc	Mới 100%

17	Hệ thống máy cắt và vẽ rập cứng	chiếc	2	TrungQuốc	Mới 100%
21	Máy may 1 kim điện tử	Bộ	3	TrungQuốc	Mới 100%
22	Máy may 1 kim máy xén	Bộ	3	TrungQuốc	Mới 100%
23	Máy 33 kim	Bộ	2	TrungQuốc	Mới 100%
24	Máy 2 kim mặt bằng	Bộ	2	TrungQuốc	Mới 100%
25	Máy dập ôze	Bộ	2	TrungQuốc	Mới 100%
26	Máy bộ Juki	Bộ	2	TrungQuốc	Mới 100%
27	Máy in sơ đồ	Bộ	2	TrungQuốc	Mới 100%
28	Máy quét keo	cái	10	TrungQuốc	Mới 100%
29	Khuôn giày các loại	cái	10	TrungQuốc	Mới 100%
30	Máy ép nhiệt	cái	5	TrungQuốc	Mới 100%
31	Thiết bị văn phòng	bộ	1	TrungQuốc	Mới 100%
32	Thiết bị PCCC	bộ	1	TrungQuốc	Mới 100%
33	Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà	bộ	1	TrungQuốc	Mới 100%
34	Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà	bộ	1	TrungQuốc	Mới 100%
35	Hệ thống điều hòa và quạt thông gió	bộ	1	TrungQuốc	Mới 100%
36	Thiết bị khác	bộ	1	TrungQuốc	Mới 100%

3.3. Sản phẩm của Dự án

Các sản phẩm của Dự án theo Thông báo số 4004/TB-UBND ngày 30/8/2024 của UBND huyện Kim Thành, cụ thể như sau:

- + Gia công quần các loại: 150.000 sản phẩm/năm
 - + Gia công áo các loại: 100.000 sản phẩm/ năm
 - + Sản xuất phụ liệu giấy dép (lót giày, mũ giày): 80.000 chiếc/năm.
- * Thị trường tiêu thụ:

- Sản xuất, gia công hàng may mặc và phụ liệu ngành may sau khi hoàn thiện sẽ được tiêu thụ một phần trong nước, phần còn lại thực hiện làm gia công cho các cơ sở sản xuất

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước

a. Nhu cầu về nguyên vật liệu

Bảng 2. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm sản xuất của Dự án

TT	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị tính/năm	Số lượng/năm
1	Vải các loại	m ²	250.000
2	Khóa kéo	Chiếc	150.000
3	Cúc	Chiếc	600.000
4	Chỉ	cuộn	500
5	Chun	m	2.000
6	Méch	chiếc	260.000
7	Mác	chiếc	260.000
8	Bao bì	chiếc	260.000
9	Thùng các tông	chiếc	2600
II	Nguyên liệu sản xuất phụ liệu giày		
1	Vải PVC	m ² /năm	1000
2	Vải lót	m ² /năm	1430
3	Da các loại	m ² /năm	3300
4	Keo các loại	kg/năm	50
5	Thùng hộp, bao bì	hộp/năm	3.000
6	Cuộn chỉ	cuộn/năm	120

- Nguồn cung cấp nguyên liệu: Chủ yếu nhập trong nước hoặc từ các đối tác

b. Nhu cầu về điện, nước, hóa chất, lao động

Bảng 3. Nhu cầu nguyên vật liệu cho 1 năm sản xuất của Dự án

TT	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị tính/năm	Số lượng/năm
1	Dầu	Lít	500
2	Điện	kWh	250.000
3	Nước sinh hoạt+ nôi hơi	m ³	4800
4	Chất khử trùng cho hệ thống XLNT	Kg	21,9
5	Nhu cầu về lao động	Người	215

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án

a. Cơ cấu sử dụng đất

Khu đất thực hiện dự án trước đây được UBND huyện Kim Thành cho Hộ kinh doanh Vũ Thị Vên thuê với diện tích 5.808,0m² thuộc xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương để thực hiện dự án Dự án đầu tư xây dựng cơ sở may, gia công quần áo xuất khẩu và dịch vụ thương mại tổng hợp của bà Vũ Thị Vên và được UBND huyện Kim Thành cấp Giấy chứng nhận, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất DP 517016 ngày 12/6/2024. Hộ kinh doanh Trần Thị Thùy Trang đã mua lại tài sản của Hộ kinh doanh bao gồm toàn bộ nhà xưởng, các công trình xây dựng, phụ trợ không thể tách rời được xây dựng trên diện tích đất trên.

Bảng 4. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	3.622,3	62,37
2	Đất sân đường nội bộ	1.024,1	17,63
3	Đất cây xanh cảnh quan	1.161,6	20,00
Tổng cộng		5.808,0	100,00

b. Các hạng mục công trình xây dựng

Bảng 5. Danh mục các hạng mục công trình của Dự án

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng
I	Đã xây dựng (nhận chuyển nhượng)		
1	Nhà điều hành	m ²	275,00
2	Nhà kho	m ²	1.125,00
II	Cải tạo và đầu tư mới		
1	Nhà bảo vệ	m ²	9,00
2	Nhà giới thiệu sản phẩm	m ²	252,00
3	Nhà để xe	m ²	131,80
4	Nhà điều hành	m ²	342,00
5	Nhà xưởng sản xuất số 1 (cải tạo)	m ²	1.073,50
6	Nhà xưởng sản xuất số 2	m ²	2.028,00
7	Kho nổi hơi	m ²	20,00
8	Nhà chứa rác	m ²	30,00
9	Nhà bếp ăn	m ²	90,00

10	Bể xử lý nước thải	Bể	1,00
11	Bể nước ngầm + Trạm bơm PCCC	Bể + trạm	1,00
12	Trạm biến áp	Trạm	1,00
13	Sân đường nội bộ	m ²	1.024,10
14	Cây xanh	m ²	1.161,60
15	Đường gom QL.17B	md	85,00

Bản vẽ quy hoạch mặt bằng được phê duyệt đính kèm phụ lục

*** Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

+ Tổ hợp không gian kiến trúc Các công trình xây dựng có quy mô đã nêu trên được bố trí trong lô đất có diện tích 5.808,0m² (được bố trí như trong bản vẽ quy hoạch tổng thể) đảm bảo sử dụng thuận tiện, phù hợp công năng sử dụng của mỗi công trình, đảm bảo phân khu chức năng rõ ràng nhưng vẫn tạo được sự liên hệ giữa các bộ phận, các công đoạn trong quá trình hoạt động sản xuất; hài hòa về mỹ quan và đảm bảo hạn chế tác động đến môi trường của khu vực xung quanh.

+ Quy hoạch công trình nhà điều hành được bố trí tách biệt với khu sản xuất nhằm đảm bảo thuận tiện cho việc giao dịch với các đối tác, quản lý.

+ Cây xanh được bố trí một cách khoa học, hài hoà, phù hợp gắn kết các công trình kiến trúc với nhau vừa tạo bóng mát, thẩm mỹ và góp phần điều hoà môi trường.

- Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với quy mô của dự án và đảm bảo tính liên hoàn với các khu vực sản xuất.

*** Quy mô xây dựng và giải pháp kiến trúc của các hạng mục công trình:**

- **Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm:** Xây mới nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm quy mô 02 tầng diện tích xây dựng 126,0m², diện tích sàn là 252,0m²; vị trí mặt tiền dự án, phía trước sử dụng kính để lấy ánh sáng, tăng tính thẩm mỹ cho công trình.

- **Nhà điều hành:** Nhà 03 tầng diện tích xây dựng 114,0m²; diện tích sàn là 342,0m²; Giải pháp kết cấu: Kết cấu khung BTCT chịu lực; móng, dầm, sàn BTCT, mái BTCT; Chức năng là nơi điều hành hoạt động sản xuất của HKD.

- **Nhà xưởng sản xuất:** Cải tạo lại nhà xưởng (nhận chuyển nhượng) diện tích 1.073,5m² và đầu tư xây dựng thêm 01 nhà xưởng diện tích 2.028,0 m² quy mô 01 tầng. Kết cấu là nhà khung thép chịu lực; mái lợp tôn cách nhiệt. Bố trí hệ thống phòng chống cháy nổ theo tiêu chuẩn của nhà nước. Quy trình thực hiện nhà khung thép được lắp dựng một cách đồng bộ dựa trên các kết cấu thép được thiết kế, tổ hợp và gia công sẵn theo bản thiết kế chỉ định sẵn. Sau đó những cấu kiện thành phẩm đó mới được vận chuyển đến công trường để lắp dựng.

Cấu tạo nhà khung thép:

+ Móng nhà khung thép: Đổ móng cốt tại các vị trí chân cột. Đổ giằng bê tông cốt thép kích thước 300x300mm theo chu vi nhà khung thép.

+ Cột nhà khung thép: được làm bằng thép C theo mẫu đặt hàng riêng cho nhà lắp ghép để lắp tấm tôn xốp.

+ Vì kèo nhà khung thép: Sử dụng thép hộp, V được liên kết với cột bằng bulong bản mã.

+ Xà gồ mái nhà khung thép: dùng thép hộp mạ kẽm.

Phần khung nhà tiền chế được chế tạo trước tại nhà máy sản xuất, được chia nhỏ thành các cấu kiện thuận lợi cho việc vận chuyển lắp ráp tại công trình. Khung thép nhà lắp ghép được sơn chống gỉ.

+ Mái nhà khung thép: sử dụng Tôn lợp mái (Tôn + PU + PP) hoặc (Tôn + xốp + Tôn), cách âm, cách nhiệt.

+ Vách bao che xung quanh và vách ngăn phòng của nhà lắp ghép: sử dụng (tôn + xốp + tôn) cách âm, cách nhiệt. Chiều dày sản phẩm 50mm đến 100mm.

+ Cửa đi, cửa sổ nhà lắp ghép: Cửa nhôm kính hoặc cửa nhựa lõi thép gia cường.

+ Bu lông liên kết với dầm móng – khung nhà – diềm mái, ốp nóc, ống thoát nước mưa, ống nhựa PVC D76.C)

Các hạng mục công trình phụ trợ: Các công trình phụ trợ được đặt ở các vị trí phù hợp, giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường. Sân đường nội bộ, nhà để xe, nhà bảo vệ, bể xử lý nước thải, cây xanh.... kết cấu đơn giản, đủ tiêu chuẩn, dễ thi công.

*** Giải pháp cấp nước:**

+ Cấp nước cho sản xuất.

+ Cấp nước cho phòng chống cháy nổ.

+ Cấp nước cho các nhu cầu khác.

+ HKD đã ký hợp đồng cung cấp nước sạch với Nhà máy Nước sạch xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành thuộc Công ty CP Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước sạch để sử dụng sinh hoạt. Nước sạch sẽ đưa vào các bể được đặt ngầm rồi được dẫn bằng hệ thống đường ống đến những nơi sử dụng.

Hệ thống cung cấp nước PCCC được cấp từ trạm bơm tự động đến các họng cứu hỏa đặt tại vị trí gần cầu thang, cửa ra vào với kích thước đường ống D60.

*** Giải pháp thoát nước:**

Hệ thống thoát nước sinh hoạt đã qua xử lý bằng bể tự hoại và hệ thống thoát nước mặt sẽ theo rãnh thoát nước về khu xử lý nước thải sau đó thoát ra hệ thống cống đổ ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước mưa mái, hành lang công trình, thu qua các ga có chắn rác, ống ngầm, đưa vào ga thu chung, dẫn ra khu xử lý nước thải trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước mặt sân đường được thu qua các hố ga, rãnh có nắp bê tông về ga chung, dẫn ra tuyến thoát nước chung của khu vực.

+ Để thông hơi cho các bể tự hoại, đồng thời ổn định áp suất trong các tuyến thoát nước, bố trí các trục ống thông hơi qua mái, cân bằng áp suất.

*** Giải pháp cấp điện:**

- HKD sẽ xây dựng trạm biến áp - nguồn điện lấy theo nguồn điện hiện có của Điện lực Kim Thành. Dây dẫn điện dùng dây vỏ bọc ACV 35. Toàn bộ hệ thống dây dẫn đều đi ngầm và đặt trong ống nhựa PVC. Từng thiết bị tùy theo công suất, vị trí lắp đặt sẽ được phân pha trực tiếp theo các đường trục (phân pha nhánh) với mục đích cân bằng tải hiệu quả nhất, nâng cao được hệ số công suất, tránh hiện tượng kém ổn định của điện áp sử dụng và đảm bảo tính an toàn cho hệ thống. Các ổ cắm sử dụng là loại âm tường một pha ba cực 250V/10A và 250V/5A có cực nối đất kết nối chung với hệ thống tiếp đất của toàn công trình.

Chiếu sáng: hệ thống điện chiếu sáng được tính toán phù hợp với từng phòng, từng không gian theo yêu cầu sử dụng cụ thể; sử dụng ánh sáng đèn huỳnh quang kết hợp với ánh sáng đèn nung sáng để tạo ra môi trường ánh sáng phù hợp với mục đích sử dụng. Công suất chiếu sáng được tính theo TCVN, chủng loại và công suất của các loại đèn được tính chọn đảm bảo đúng theo độ rọi quy định.

Hệ thống chống sét: Cọc thép bọc đồng tiếp đất, băng đồng liên kết và phụ kiện đầu nối được bố trí theo hệ thống nối đất gồm nhiều điện cực có tác dụng tản năng lượng sét xuống đất an toàn và nhanh chóng. Cọc nối đất bằng thép bọc đồng Ø16 chôn cách nhau 5.0m và liên kết với nhau bằng băng đồng trần 25x3mm. Đầu trên của cọc được đóng sâu dưới mặt đất 1.0m và băng đồng trần được đặt trong các rãnh 0.5m sâu 0,8m. Việc liên kết giữa cọc đồng, băng đồng và cáp đồng thoát sét bằng bộ kẹp đặc chủng nối đất tuân theo tiêu chuẩn chống sét 20 TCN 46-84 hiện hành của Bộ Xây Dựng. Điện trở nối đất chống sét $\leq 10\Omega$.

5.2. Nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của Dự án là: **18.867.970.000 đồng** (Bằng chữ: Mười tám tỷ, tám trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

Trong đó: - Vốn tự có: 4.000.000.000 đồng;
- Vốn vay: 14.867.970.000 đồng.

5.3. Nhu cầu về lao động

Tổng số lao động của Dự án là 215 người

Tiền lương của người lao động trung bình từ 4.000.000 – 8.000.000 VNĐ.

Thời gian làm việc: 8h/ca, 300 ngày/năm

Người lao động được hưởng các quyền lợi theo đúng Luật lao động

5.4. Tiến độ thực hiện dự án

Thời gian thuê đất của Dự án là 30 năm kể từ ngày được Chấp thuận chủ trương đầu tư, theo phương thức trả tiền thuê đất hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thuê.

- Tiến độ hoàn thành các thủ tục về đầu tư để được bàn giao mặt bằng:

+ Hoàn thiện thủ tục đầu tư trong quý III năm 2024;

+ Hoàn thành thủ tục đất đai, xây dựng và môi trường trong quý IV năm 2024;

- Tiến độ khởi công công trình: Khởi công xây dựng các hạng mục công trình trong quý I năm 2025;

- Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào hoạt động: Xây dựng hoàn thành và đưa toàn bộ dự án vào hoạt động trong quý III năm 2026.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Dự án có vị trí tại khu vực được quy hoạch cho công nghiệp, phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia theo Quyết định số 611/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/7/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đối với phân vùng môi trường của tỉnh Hải Dương: Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án, quy hoạch về phân vùng môi trường của tỉnh Hải Dương chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, do đó Dự án chưa có căn cứ để đánh giá nội dung này trong báo cáo.

Đối với các quy hoạch phát triển của Quốc gia và của tỉnh Hải Dương: Dự án được thực hiện phù hợp với các quy hoạch như sau:

Đối với các quy hoạch phát triển của Quốc gia và của tỉnh Hải Dương: Dự án được thực hiện phù hợp với các quy hoạch như sau:

- Phù hợp với Quyết định số 198/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Phù hợp với Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050: Do ngành nghề sản xuất của Dự án thuộc ngành công nghiệp may mặc... phù hợp với phương hướng phát triển các ngành công nghiệp theo Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023;

- Phù hợp với Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Về việc ban hành Danh mục Dự án thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2024 – 2030: Ngành nghề đầu tư của dự án không thuộc danh mục hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Hải Dương

- Phù hợp với Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 30/9/2023 của UBND tỉnh Hải Dương vv phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Kim Thành, tỉnh

Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch tập trung vào sự phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển công nghiệp, thu hút và phát triển hạ tầng giao thông: Dự án đáp ứng được các định hướng phát triển công nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, và góp phần vào phát triển kinh tế của địa phương.

- Dự án phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, Dự án đáp ứng được các định hướng phát triển công nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, và góp phần vào phát triển kinh tế của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo quy định tại khoản 3, điều 15, thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ, trong đó quy định rõ: *Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Tài nguyên và Môi trường) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh, lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ; tổng hợp ý kiến, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến; hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.*

Tuy nhiên thời điểm hiện tại UBND tỉnh Hải Dương chưa ban hành quyết định phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ trên địa bàn tỉnh, do đó hiện tại chưa có quy định về khả năng tiếp nhận và sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án. Vì vậy dự án vẫn được phép xả thải ra nguồn tiếp nhận với điều kiện nước thải đã xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NỘI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Hiện trạng môi trường khu vực dự án

Hiện trạng môi trường tại khu vực triển khai dự án có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án bao gồm môi trường đất, nước, không khí và hệ sinh thái khu vực.

Dự án khi đi vào hoạt động chủ yếu phát sinh bụi, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt và CTR. Tuy nhiên các loại chất thải này đều được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép. Vì vậy các tác động của dự án đến môi trường đều được khống chế.

1.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Về tài nguyên sinh vật khu vực có mức độ đa dạng không cao, không có các hệ sinh thái nhạy cảm, không có các động thực vật thuộc các loài quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ, mà chủ yếu là cây trồng, vật nuôi của nhân dân địa phương. Ngoài ra, còn có các loài động, thực vật hoang dại như chim, chuột, cây cỏ...

a. Đa dạng sinh học trên cạn

Khu vực thực hiện dự án không có các vùng sinh thái nhạy cảm, không có các loài động vật, sinh vật quý hiếm được ưu tiên bảo vệ mà chủ yếu là các loài có xương sống như các loài chuột, thằn lằn, ếch nhái và rắn nước... Tuy nhiên hệ động vật trên cạn của khu vực dự án không còn nhiều và giảm tính đa dạng, sự suy giảm này là do hoạt động sản xuất nông nghiệp của con người.

b. Đa dạng sinh học dưới nước

- Hệ sinh thái kênh, mương, ao

Động thực vật trôi nổi có nhiều trong ruộng trũng, chủ yếu là các loại tảo lục và tảo silic, các loài cá trong ao, kênh mương chủ yếu là cá mè, cá rô phi, cá trê,... Tuy số lượng ít, nhưng lại tham gia vào việc làm sạch môi trường. Thành phần sinh vật hệ sinh thái không phong phú. Ngoài ra còn có hệ động thực vật phù du, động vật đáy và ấu trùng sống trong các kênh mương nội đồng.

- Hệ thực vật

Tại khu vực thực hiện dự án, ngoài những loài cây trồng như: lúa, rau màu,... còn chủ yếu là các loại cây cỏ dại và cây phủ xanh đồng ruộng, ven đường.

* Nhận xét về hệ sinh thái và tài nguyên sinh học ảnh hưởng đến dự án

Hệ sinh thái tại khu vực dự án nhìn chung đơn giản, tại khu vực dự án không có loại động vật, thực vật quý hiếm cần bảo tồn hay giữ nguyên trạng.

Nhìn chung thực hiện dự án không làm thay đổi và tác động đáng kể đến hệ

sinh thái và tài nguyên sinh vật của khu vực.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Môi trường tiếp nhận trực tiếp nước thải của Dự án là mương tiêu thoát nước nằm tiếp giáp với Dự án về phía Tây Nam, đây là mương thủy nông có chức năng tưới tiêu kết hợp, có bề rộng 6m; chiều sâu trung bình 1,5m do HTX dịch vụ nông nghiệp Ngũ Phúc vận hành, có chức năng tưới tiêu nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, ngoài ra mương còn tiêu thoát nước của các khu dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh tại khu vực, hệ thống mương tưới tiêu này đầu nối với hệ thống sông An Kim Hải.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện Dự án

Để có cơ sở đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường khu vực thực hiện Dự án, Chủ đầu tư đã phối hợp đơn vị tư vấn thực hiện lấy mẫu môi trường để đánh giá chất lượng môi trường hiện trạng khu vực thực hiện Dự án.

Các yếu tố tại thời điểm quan trắc

- Thời gian quan trắc: Ngày 17/12/2024

- Yếu tố khí tượng: Trời nắng nhẹ, gió Đông Bắc, nhiệt độ tại thời điểm 20,1-27,5°C

- Đơn vị quan trắc:

+ Tên đơn vị quan trắc: Công ty cổ phần công nghệ và Phân tích chất lượng cao Hải Dương

+ Địa chỉ văn phòng: số 47, đường Lê Duẩn, KĐT Eco River, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

+ Đại diện pháp luật: Ông Tạ Quốc Bình Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 0220 3838 298

+ Các chứng chỉ của đơn vị thực hiện quan trắc: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 59/GCN – BTNMT ngày 26/12/2023

3.1. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- **Vị trí quan trắc:** 01 điểm tại vị trí giữa dự án, tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°: X(m)=2317234; Y(m) = 603633.

- **Kết quả quan trắc:**

Bảng 6. Kết quả phân tích môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	22,8	-
2	Độ ẩm	%	51,2	-

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				Trung bình 1 giờ
3	Tốc độ gió	m/s	0,50	-
4	Tiếng ồn Laeq	dBA	61,5	70 ⁽¹⁾
5	Tiếng ồn LAmax	dBA	70,9	-
6	Bụi TSP	µg/m ³	250	300
7	SO ₂	µg/m ³	KPH(75)	350
8	CO	µg/m ³	KPH(8.000)	30.000
9	NO ₂	µg/m ³	KPH(36)	200

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Nhận xét:

Chất lượng không khí xung quanh tại thời điểm quan trắc cho thấy nồng độ các khí, bụi TSP và tiếng ồn tại 03 điểm quan trắc khu vực thực hiện dự án đều đạt QCCP theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

3.2. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tại khu vực dự án

- Số điểm và vị trí quan trắc: 01 điểm tại mương nước cạnh dự án, tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰: X(m)= 2317190; Y(m) = 603629

- Kết quả quan trắc:

Bảng 7. Kết quả quan trắc nước mặt khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				Mức B
1	pH	-	6,12	6 ÷ 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	38	100
3	Nhu cầu oxi hóa học	mg/L	18	15

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				Mức B
	(COD)			
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	8	6
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	0,16	0,3
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	KPH(0,015)	0,05
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	1,84	-
8	Photphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	KPH(0,1)	-
9	Tổng dầu, mỡ	mg/L	KPH(0,3)	5
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	<0,09	0,1
11	Coliform	MPN/100 mL	16.000	5.000

Chú thích:

- QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

+ Mức B - Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do 1 lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp

* **Nhận xét:** Kết quả quan trắc nước mặt khu vực dự án cho thấy chất lượng nước tại các thời điểm quan trắc đều có thông số COD, BOD₅, Coliform vượt QCCP so mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT. Các thông số quan trắc khác đạt QCCP.

Chương IV
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Đối với nước thải và nước mưa chảy tràn

a. Đối với nước thải sinh hoạt

- Giảm lượng nước thải bằng cách tăng cường tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở.

- Trong khu vực dự án lắp đặt 1 nhà vệ sinh lưu động loại có 2 buồng với các thông số kỹ thuật như sau:

+ Kích thước mỗi buồng: 95*130*245 (cm)

+ Dung tích bể chứa nước: 800 lít

+ Dung tích bể chứa chất thải: 1.000 lít

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bể phốt của nhà vệ sinh lưu động.

b. Đối với nước mưa chảy tràn và nước thải thi công

- Tạo rãnh thoát nước thải thi công. Trên hệ thống bố trí các hố ga lắng cặn. Hố ga có kích thước 1m × 1m × 1m.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

- Định kỳ 3-6 tháng/lần kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước, tránh gây tắc nghẽn đường ống.

- Khoanh vùng khu vực chứa nguyên vật liệu xây dựng, tránh nước mưa chảy tràn kéo theo bùn đất gây tắc rãnh thoát nước.

1.2. Đối với chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn xây dựng

- Không chõu quá trọng tải quy định và che phủ bạt kín nhằm tránh rơi vãi vật liệu (cát, đá) trên cung đường vận chuyển.

- Tổ chức thu gom chất thải xây dựng rơi vãi trên công trường, đối với sắt thép phế liệu bán cho các cơ sở tái chế; các loại đất đá thải bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.

- Chủ động mua nguyên liệu gần dự án để rút ngắn quãng đường và hạn chế rơi vãi vật liệu.

- Quy định dọn dẹp mặt bằng hàng ngày để tránh nước mưa cuốn theo đất cát xuống mương làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

- Đối với CTR là bùn thải từ quá trình nạo vét đất hữu cơ một phần tận dụng vào khu vực trồng cây của dự án, phần còn lại thu gom xử lý theo quy định.

- Chất thải xây dựng: Đối với chất thải có khả năng tái chế như vỏ bao xi măng, đầu mẫu sắt thép được thu gom bán lại cho các đơn vị có nhu cầu thu mua; Chất thải không có khả năng tái chế (đất, đá, gạch vỡ,...) tận dụng để san nền, phần còn lại thu gom vận chuyển về bãi chứa rác thải xây dựng của địa phương.

- Chất thải rắn xây dựng sẽ được thu gom, vận chuyển theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD, ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng.

b. Chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị thùng rác (02 thùng rác khác màu, 01 thùng để rác hữu cơ và 01 thùng để rác vô cơ với dung tích 120 lít/thùng).

- Ký hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương đến thu gom, vận chuyển đi xử lý tại bãi rác của địa phương.

1.3. Đối với chất thải nguy hại

Chủ dự án phối hợp với nhà thầu xây dựng thực hiện các biện pháp sau:

- Đặt 03 thùng có dung tích 120 lít/thùng, chứa chất thải nguy hại đặt nơi quy định, trong đó 01 thùng chứa dầu mỡ thải, 01 thùng chứa giẻ lau dính dầu và 02 thùng chứa các loại chất thải khác. Các thùng này được bảo quản trong khu vực quy định và có che chắn tránh tiếp xúc với nước mưa, gió, lửa và thiên tai.

- Bố trí kho chứa chất thải tạm thời, cao ráo, có biển báo rõ ràng với diện tích khoảng 5m²; quây tôn xung quanh đảm bảo không bị nước mưa thấm dột vào.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom và thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định sau khi việc thi công kết thúc (01 lần trong giai đoạn thi công).

1.4. Đối với bụi và khí thải

a. Giảm thiểu bụi và khí thải do vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ra vào công trường theo đúng lịch trình và vận tốc đã quy định.

- Không chuyên chở vượt quá trọng tải quy định.

- Tưới ẩm bề mặt khu vực xây dựng tần suất 2 lần/ngày vào ngày hanh khô, lượng nước tưới khoảng 1-3 m³/ngày.

- Xây tường bao xung quanh khu đất dự án, chiều cao 2-3m nhằm hạn chế bụi phát tán từ công trường ra bên ngoài.

- Che phủ kín thùng xe vận chuyển NVL xây dựng, máy móc thiết bị. Che phủ bạt tại các bãi chứa nguyên vật liệu xây dựng nhằm giảm thiểu sự phát tán bụi đi xa.

b. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt máy móc

- Các thiết bị máy móc được vận chuyển bằng xe chuyên dụng và do nhà thầu cung cấp thiết bị thực hiện.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế và thực hiện bởi nhà thầu cung cấp thiết bị.

- Công nhân lắp đặt máy móc được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động như quần áo, găng tay, kính, giày...

c. Giảm thiểu ô nhiễm không khí do quá trình hàn, sơn

Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân hàn, sơn bao gồm: quần áo bảo hộ, kính, khẩu trang, găng tay...

1.5. Giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn và rung động

Để giảm thiểu tiếng ồn và rung động trong quá trình thi công, dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án.

- Không tiến hành các hoạt động thi công phát sinh mức ồn lớn hơn 75dB trong thời gian nghỉ:

+ Thời gian nghỉ trưa: từ 12h đến 13h30.

+ Thời gian nghỉ đêm: từ 22h đến 6h hôm sau.

- Không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

1.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Các biện pháp đảm bảo an ninh và các vấn đề xã hội khu vực

- Ưu tiên sử dụng công nhân tại địa phương nhằm hạn chế những tác động đến môi trường như xây dựng lán trại, cũng như gây ảnh hưởng đến khu dân cư, gây tác động xấu đến tình hình văn hoá và trật tự xã hội.

- Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công quản lý chặt chẽ lao động.

- Bố trí lực lượng bảo vệ công trường.

- Chủ dự án kết hợp với các cơ quan quản lý địa phương thực hiện công tác quản lý công nhân xây dựng nhập cư lưu trú trên địa bàn.

b. Các biện pháp an toàn lao động

- Tính toán thiết kế công trình tuân thủ đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng quan tâm tới việc kiểm tra an toàn các cấu kiện chịu lực, kiểm tra sự phù hợp chất lượng.

- Thực hiện nghiêm quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về xây dựng công trình trong thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết để đảm bảo tính kết nối giữa các công trình xây dựng.

- Chủ đầu tư tăng cường thực hiện các quy định đảm bảo An toàn - Vệ sinh lao động và Phòng chống cháy nổ trong giai đoạn xây dựng.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công được đưa vào các hợp đồng xây lắp, tư vấn. Yêu cầu các nhà thầu thi công giám sát quản lý dự án cần nghiêm túc thực hiện.

c. Các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Có hệ thống cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại lối ra vào công trường, tại những vị trí dễ xảy ra tai nạn.

- Hạn chế các loại xe vận chuyển hoạt động vào những thời điểm có cường độ gió cao để hạn chế bụi và khí thải phát tán đi xa.

- Bố trí lực lượng bảo vệ thường trực hướng dẫn xe vận chuyển ra vào khu vực công trường.

d. Các giải pháp phòng chống sự cố cháy nổ

Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công thực hiện một số yêu cầu cơ bản về công tác PCCC trong quá trình thi công như sau:

- Ban hành các quy định về an toàn PCCC trong quá trình thi công. Đơn vị trực tiếp đảm nhận thi công phải có trách nhiệm thông báo, phổ biến đến các cán bộ, công nhân trên công trường, các công nhân phải chấp hành nghiêm các quy định về an toàn lao động và PCCC trong quá trình thi công. Thành lập đội PCCC cơ sở và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cơ bản cho các đội viên để có thể biết cách PCCC và xử lý tình huống kịp thời.

- Phải đảm bảo quy trình và các điều kiện an toàn khi sử dụng điện, các thiết bị điện trong quá trình thi công.

- Đặc biệt là các hoạt động như hàn, cắt kim loại phải có thiết bị che chắn để vẩy hàn nóng đỏ không rơi, bắn vào các vật dễ bén lửa gây cháy. Trong thời gian gần đây đã xảy ra những vụ cháy lớn, gây thiệt hại về con người cũng như tài sản mà nguyên nhân là do hàn kim loại. Nên việc đặc biệt cẩn thận trong các hoạt động hàn, cắt kim loại là rất cần thiết.

- Trang bị các thiết bị chữa cháy ban đầu để dập tắt đám lửa ngay khi vừa phát sinh (các bình chữa cháy xách tay).

- Trước, trong và sau khi lắp đặt các thiết bị điện, thiết bị nội thất cho công trình, các bao bì, vỏ hộp dễ bén lửa phải được dọn sạch để phòng nguy cơ chập điện gây cháy từ các vật liệu này.

- Có các biện pháp thông gió để phòng nguy cơ cháy nổ khi tiến hành sử dụng các loại sơn, dung môi để sơn cửa hoặc sơn các thiết bị trong các phòng, khu vực kín gió.

e. Giải pháp với trường hợp ngập úng

Trong quá trình xây dựng, nếu không có biện pháp che chắn sẽ làm phát sinh bụi, cát san lấp tràn ra các kênh mương xung quanh, gây úng ngập cục bộ. Do đó Chủ dự án sẽ làm việc với nhà thầu xây dựng để san lấp đúng diện tích quy định, thu gom đất cát rơi trong quá trình vận chuyển.

Trong quá trình xây dựng vào những ngày mưa lớn thì hiện tượng ngập úng tại khu vực dự án là điều có thể xảy ra. Chủ dự án sẽ tạm dừng việc thi công xây dựng trong điều kiện thời tiết xấu, tránh làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, cũng như thực hiện các biện pháp che chắn để giảm tác động của nước mưa cuốn theo vật liệu xây dựng vào nguồn tiếp nhận.

- Có phương án đảm bảo thoát nước, tưới tiêu khu vực trong quá trình thi công xây dựng dự án như:

+ Xây dựng hệ thống công dẫn hoặc rãnh thoát nước tạm thời để tránh tình trạng ngập úng hoặc đọng nước trên bề mặt gây ảnh hưởng đến quá trình thi công và giao thông đi lại.

+ Trong trường hợp úng ngập cục bộ do các hoạt động của dự án gây ra, Chủ dự án sẽ bố trí máy bơm nước, nhằm bơm nước từ khu vực úng ngập ra các hệ thống mương của khu vực để tiêu úng kịp thời.

f. Đối với đối tượng xung quanh

- Không tiến hành các hoạt động thi công phát sinh mức ồn lớn hơn 75dB trong thời gian nghỉ ngơi

- Không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Đối với xe chở cát san lấp phải có bạt che phủ, thùng xe không coi nói, không chở quá tải trọng quy định.

- Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm;

- Che phủ kín thùng xe vận chuyển NVL xây dựng, máy móc thiết bị.

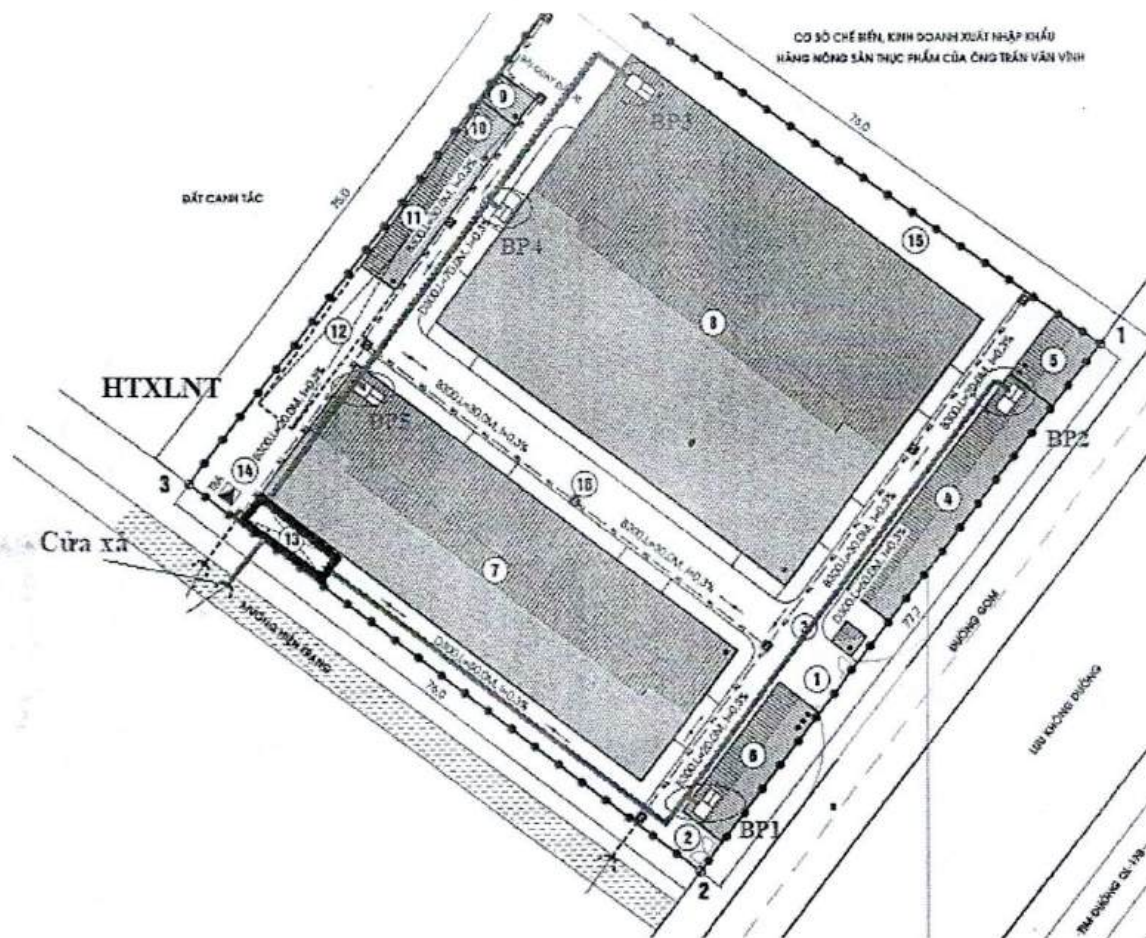
- Dựng rào chắn tạm thời bao quanh toàn bộ công trường nhằm hạn chế bụi phát tán từ công trường ra bên ngoài.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Công trình xử lý nước thải

Nước thải của Dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt của 215 lao động, có nấu ăn tại Dự án. Theo TCVN 13606:2023 thì lượng nước cấp cho sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp là 25 lít/người/ca áp dụng hệ số không điều hòa $K = 3$ thì lượng nước cấp là 75 lít/người/ca. Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước sử dụng. Tỷ lệ nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp, vậy lượng nước thải phát sinh của Dự án khoảng 15,05 m³/ngày, nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (dự án có 5 bể tự hoại), nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, sau đó được thu gom bằng cống BTCT D300, dài 180m, độ dốc $i = 0,3\%$ về hệ thống xử lý nước thải có công suất 20m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được thoát vào mương tiếp giáp với dự án về phía Tây Nam bằng 01 cửa xả.

Sơ đồ thoát nước thải của Dự án:

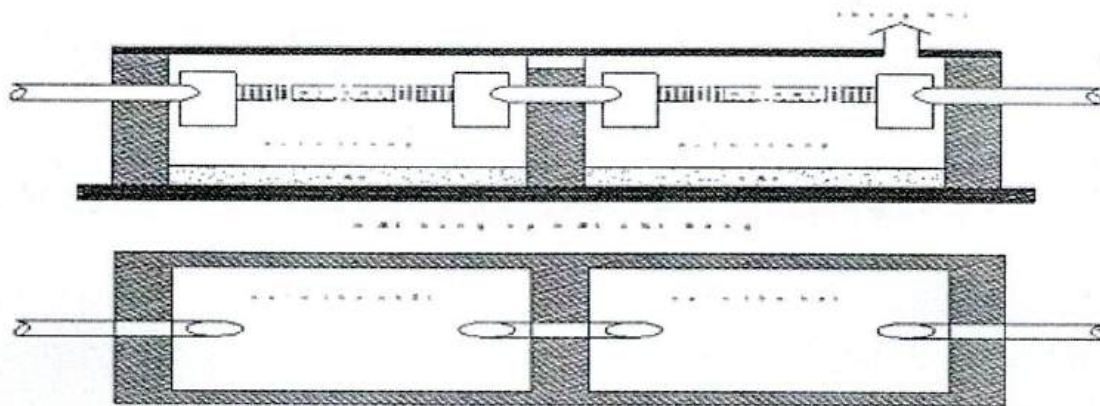


Sơ đồ 3. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

*** Biện pháp xử lý nước thải khu vực nhà ăn**

Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ. Bể có vai trò tách phần lớn mỡ lẫn trong nước thải bằng phương pháp tuyển nổi tự nhiên. Do mỡ nhẹ hơn nước nên khi cho nước thải chảy chậm qua bể, mỡ lẫn trong nước sẽ nổi lên phía trên. Phần mỡ nổi được vớt ra khỏi bể hàng ngày.

Sơ đồ cấu tạo của bể tách mỡ thể hiện như sau:



Sơ đồ 4. Cấu tạo bể tách mỡ

Ống dẫn nước thải và ống thông bể có đường kính D100. Bể được phân thành 3 vùng: Vùng chứa mỡ nổi, vùng nước trong và vùng chứa cặn. Ống dẫn nước thải và ống thông bể có hình chữ T để ngăn không cho mỡ nổi theo nước trong ra khỏi bể. Nước sau khi được tách dầu, mỡ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung xử lý cùng với nước thải phát sinh từ bể phốt.

Bể tách mỡ khu vực nhà ăn phục vụ sinh hoạt cho công nhân thể tích khoảng 1m³. Bể được xây dựng bằng gạch, nền xi măng chống thấm.

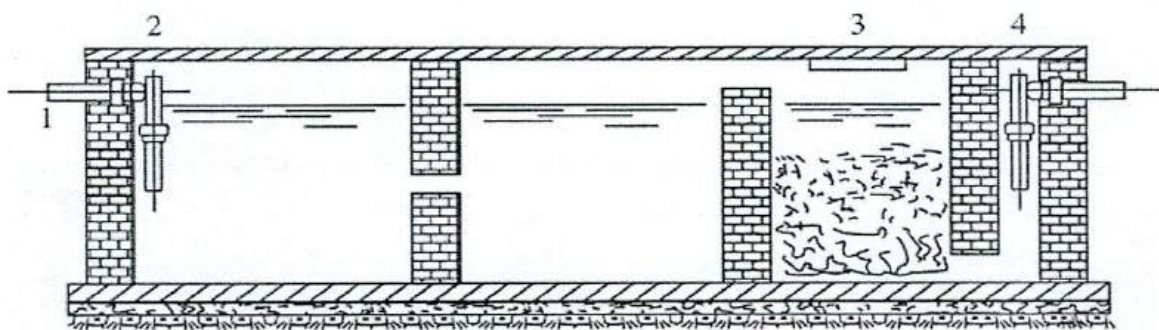
Bể được phân thành 3 vùng: Vùng chứa mỡ nổi, vùng nước trong và vùng chứa cặn. Ống dẫn nước thải và ống thông bể có hình chữ T để ngăn không cho mỡ nổi theo nước trong ra khỏi bể. Nước sau khi được tách dầu, mỡ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung xử lý cùng với nước thải phát sinh từ bể phốt. Mỡ thải định kỳ được thu gom và thuê các đơn vị có chức năng tới thu gom và xử lý.

*** Biện pháp xử lý sơ bộ nước thải khu vực nhà vệ sinh**

Để xử lý nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, Chủ dự án xây dựng bể phốt 3 ngăn đặt dưới các khu nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.

- Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý 50-60%, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3-6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn, mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân huỷ.

Sơ đồ 5. Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn



Ghi chú:

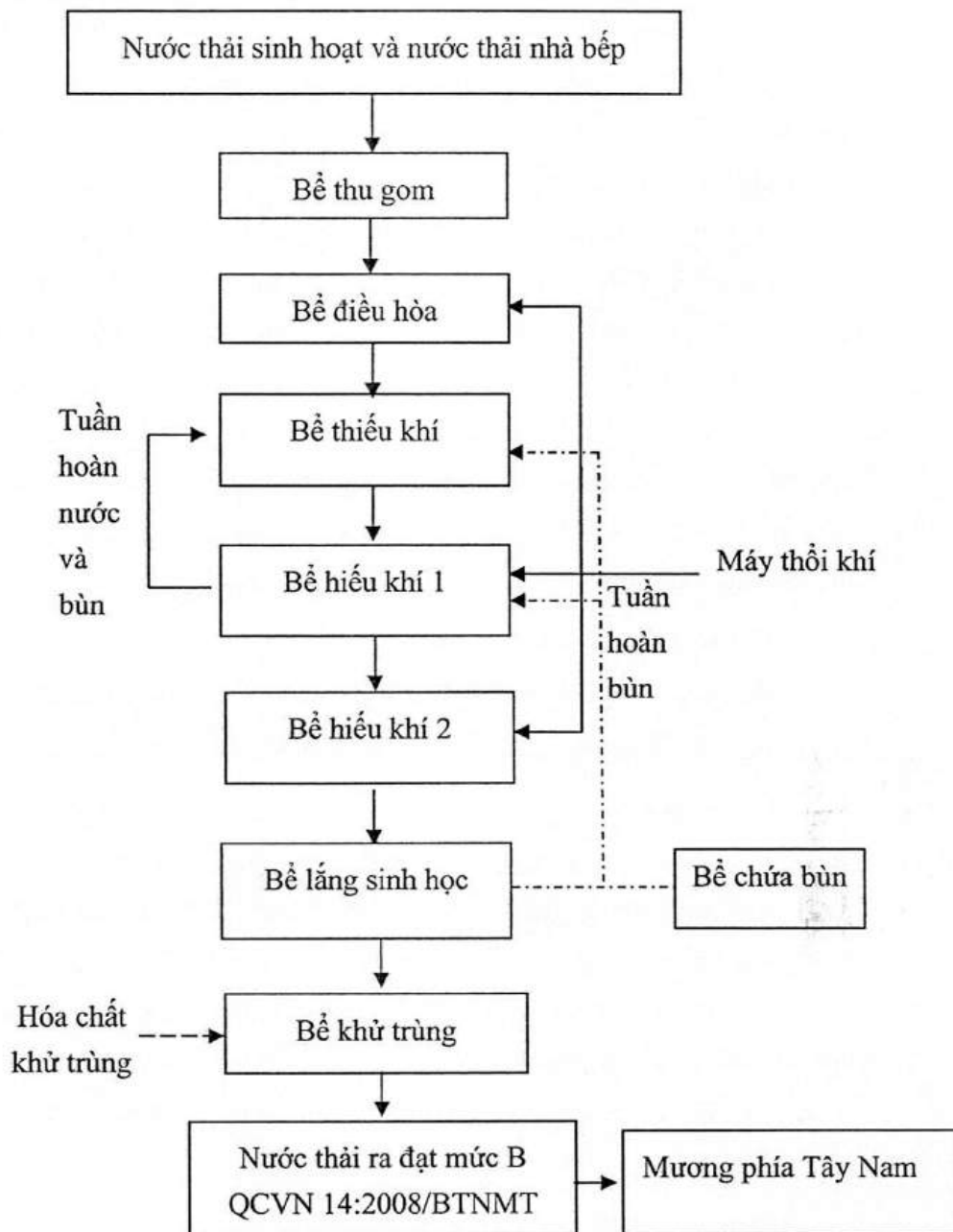
- 1- Ống dẫn nước thải vào bể.
- 2- Ống thông hơi.
- 3 - Nắp thăm (để hút cặn).

- Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

Bùn phát sinh từ hệ thống bể tự hoại được thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển và xử lý định kỳ 1 năm/lần.

Dự án xây dựng 5 khu nhà vệ sinh bao gồm: Nhà điều hành (01 bể phốt, thể tích 9m^3), nhà trưng bày sản phẩm (01 bể phốt, thể tích 9m^3), khu vực nhà xưởng (03 bể phốt, thể tích $9\text{m}^3/\text{bể}$), tổng thể tích bể phốt là 45m^3 , đáp ứng nhu cầu xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của Dự án với thời gian lưu là 3 ngày.

*** Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt**



Sơ đồ 6. Quy trình xử lý nước thải của Dự án

* Thuyết minh quy trình:

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý 20m³/ngày.đêm.

Cơ chế vận động của nước thải xuyên suốt trong hệ thống là lấy từ đáy bể trước sang bề mặt bể tiếp theo nhằm tạo môi trường tiếp xúc tốt nhất cho vi sinh phát triển.

Nước thải sinh hoạt từ lavabo, sàn, bồn tắm, nhà vệ sinh đều được thu gom theo hệ thống đường ống thoát nước trong nhà dẫn về ngăn tiếp nhận của bể XLNT tập trung để xử lý. Nước thải từ khu bếp của nhà hàng sẽ được dẫn qua bể tách mỡ để loại bỏ rác, sạn tách dầu mỡ và thức ăn thừa trước khi đưa vào bể thu gom của hệ thống xử lý.

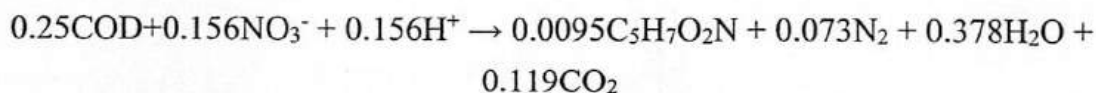
Tại bể gom, nước thải được đưa sang bể điều hòa nhằm dòng chảy cũng như nồng độ chất thải. Nước thải sau đó chảy sang bể thiếu khí bằng hệ thống ống truyền dẫn. Sau xử lý thiếu khí, nước thải được xử lý hiếu khí bậc 1 và bậc 2 tại bể hiếu khí 1 và bể hiếu khí 2. Tại các ngăn này có bố trí các giá thể để vi sinh hiếu khí phát triển và nguồn khí được cung cấp nhờ hệ thống máy thổi khí. Mục đích cung cấp oxi cho vi sinh phát triển nhằm xử lý hết các thành phần chất thải còn lại như nito, photpho,... Nước sau xử lý được lắng tự nhiên tại bể lắng và được khử trùng tại bể khử trùng trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt mức B, giá trị C_{max} theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra công thoát nước của thành phố trên đường Nguyễn Hữu Cầu. Bùn lắng ở bể lắng được dẫn sang bể chứa bùn và một phần được hồi lưu lại các bể vi sinh. Sau một thời gian bùn sẽ đầy và được mang đi xử lý đúng theo quy định, tần suất hút bùn định kỳ từ 1 - 3 năm/lần (nếu cần thiết).

*** Chức năng chính của các bể xử lý:**

- **Bể gom:** Loại bỏ rác thô ra khỏi nước thải, điều hòa dòng chảy, giảm thiểu sự biến động của dòng nước thải và làm cho nồng độ chất thải đồng nhất.

- **Bể thiếu khí**

Mục đích: Trong ngăn này, phản ứng sinh học chính là quá trình khử Nitơ. Tại đây, các vi sinh vật yếm khí chuyển hoá nitrate (NO₃⁻) và nitrite (NO₂⁻) thành khí nito (N₂) trong môi trường yếm khí (Nitrate được tuần hoàn từ ngăn lắng). Trong phản ứng này NO₃⁻ đóng vai trò như một chất nhận năng lượng (nhận electron) và chất hữu cơ là chất cho năng lượng (cho electron).



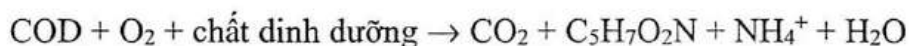
Dựa vào phản ứng trên mỗi gram NO₃-N bị khử sẽ cần 3~4 gram COD. Do vậy trong ngăn yếm khí quá trình phản ứng khử sẽ làm giảm COD trong nước thải. Vì nồng độ COD trong nước thải thấp (trung bình 500 mg/l), lớn hơn nhu cầu cho phản

ứng khử nitrate (trung bình 150 mg/l) nên ta không cần phải cung cấp chất dinh dưỡng cho ngăn yếm khí.

Yêu cầu: nồng độ oxy trong ngăn yếm khí cần nhỏ hơn 0.5 mg/l.

- Bể hiếu khí

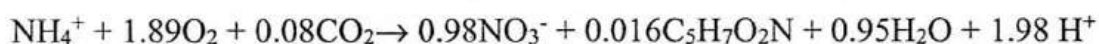
Mục đích: Ôxy hoá chất hữu cơ. Trong phản ứng ôxy hoá chất hữu cơ thì O₂ đóng vai trò chất nhận năng lượng cuối cùng (nhận electron) và chất hữu cơ là chất cho năng lượng (cho electron).



Trên bề mặt của giá thể vi sinh di động có 3 lớp vi sinh vật. Lớp ngoài cùng là vi sinh hiếu khí, lớp trong cùng là vi sinh yếm khí và ở giữa là lớp vi sinh tùy nghi (lớp hỗn hợp). Hệ vi sinh vật dính bám được hình thành trên bề mặt của giá thể. Trong đó, chất polymer màng (extracellular polymer) giúp cho vi sinh vật bám vào nhau và bám vào thành giá thể. Chất hữu cơ sẽ thẩm thấu qua màng biofilm và được chuyển hoá bởi ba lớp vi sinh. Do vậy, nồng độ chất hữu cơ ở bề ngoài cao nhất và giảm dần tới lớp trong cùng.

Ôxy được cung cấp vào bể nhằm tạo điều kiện cho quá trình phân hủy qua các hệ thống sục khí được bố trí tại các vị trí thích hợp trong bể. Tương tự với sự phân bố chất hữu cơ trong màng vi sinh, nồng độ ôxy cũng cao nhất ở lớp ngoài và giảm dần ở lớp trong. Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ có trong nước thải được loại bỏ.

Ngăn hiếu khí cũng có thể oxy hoá ammonia (NH₄⁺). Trong phản ứng oxy hoá chất ammonia thì oxy đóng vai trò chất nhận năng lượng và ammonia là chất cho năng lượng.



Trong phản ứng này, vi sinh vật không sử dụng chất hữu cơ. Nước thải sau khi được Nitrate hoá sẽ được bơm tuần hoàn trở lại ngăn thiếu khí để cung cấp NO₃⁻. Nồng độ oxy hòa tan trong bể hiếu khí lớn hơn 2.0 mg/l để đảm bảo cung cấp đầy đủ oxy cho phản ứng oxy hóa.

- Bể lắng và khử trùng

Mục đích: Tách nước và bùn. Hỗn hợp bùn và nước thải rời khỏi ngăn hiếu khí chảy vào ngăn lắng trung tâm nhằm tiến hành quá trình tách nước và bùn. Bùn sinh học lắng dưới đáy sẽ được hồi lưu lại ngăn tiếp nhận và ngăn yếm khí 1 nhằm duy trì lượng bùn thích hợp trong ngăn này. Nước thải sau khi được lắng đã được loại bỏ gần như hoàn toàn bùn cặn. Nước sau lắng sẽ được khử trùng để loại bỏ các vi sinh vật có

hại ra khỏi nước thải (nếu cần thiết) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- BỂ chứa bùn

Mục đích: Lưu trữ bùn thải. Sau một thời gian nhất định, bùn dư sẽ được định kỳ hút bỏ để xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sau xử lý được thoát ra cống thoát nước của thành phố Hải Dương về phía trước Dự án bằng 1 cửa xả.

+ Tọa độ xả nước thải: $X(m) = 2317246$, $Y(m) = 603561$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án được xây ngầm trên diện tích quy hoạch được duyệt là $60m^2$, hệ thống bể được xây bằng gạch đặt ngầm, trên đây tấm đan bê tông, thông số kích thước hữu dụng của hệ thống như sau:

Thông số kích thước của hệ thống xử lý nước thải của Dự án như sau:

Bảng 8. Thông số kỹ thuật của HTXLNT $20m^3$ /ngày đêm

TT	Tên bể	Số lượng	Kích thước DxRxH (m)	Thể tích (m^3)
1	Bể gom	1	4,15x2,4x2,35	23,4
2	Bể điều hòa	1	4,15x2,06x2,35	20,1
3	Bể thiếu khí	1	1,975x1,56x2,35	7,24
4	Bể hiếu khí 1	1	1,975x1,56x2,35	7,24
5	Bể hiếu khí 2	1	1,975x1,7x2,35	7,89
6	Bể lắng	1	1,975x1,7x2,35	7,89
7	Bể khử trùng	1	1,975x0,95*2,35	4,41
8	Bể chứa bùn	2	0,95x0,938*2,35	4,19

Bảng 9. Các thông số máy móc thiết bị của hệ thống xử lý

TT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	Máy thổi khí	Lưu lượng: $Q = 1,14 m^3/\text{phút}$ Cột áp: 4 m H_2O Công suất điện: $1,5kW \times 3\text{phase} \times 50Hz$	Đài Loan	Cái	2

2	Bơm chìm nước thải	Lưu lượng: 9 m ³ /h Cột áp trung bình: 4 H ₂ O Công suất điện: 0,25 kWx3phasex50 Hz	Đài Loan	Cái	6
3	Máy khuấy chìm	Lưu lượng: 1,8m ³ /phút Công suất điện: 0,37kWx3phasex50Hz	Đài Loan	Cái	1

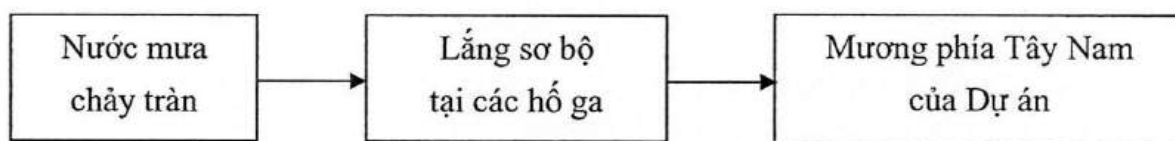
Sơ đồ 7. Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải đính kèm phụ lục

+ Vị trí xả thải: Mương tưới tiêu giáp phía Tây Nam của Dự án.

+ Tọa độ xả nước thải: X(m) = 2317246, Y(m) = 603561 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án được xây ngầm trên diện tích quy hoạch được duyệt là 60m², hệ thống bể được xây bằng gạch đặt ngầm, trên đây tấm đan bê tông.

*** Nước mưa chảy tràn**



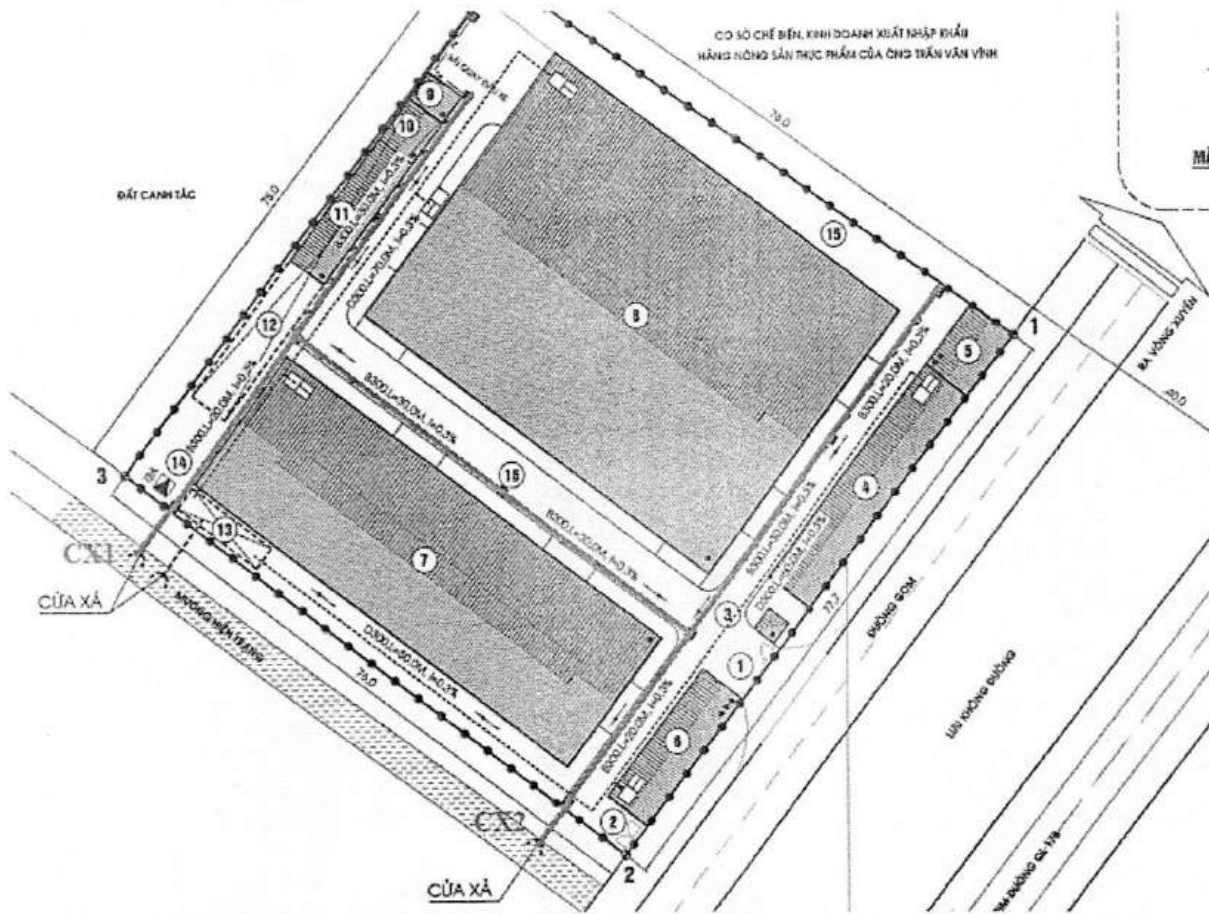
Thoát nước mái được thu trực tiếp trên mái xuống hệ thống công thoát nước dưới sân đường bằng ống nhựa PVC D110. Nước mưa trên sân đường thu vào hố ga và thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống thu nước mưa được thu gom bằng rãnh thoát nước mưa BTCT có nắp đậy, kích thước B300(mm), độ dốc 0,3%, chiều dài 150m, qua 10 hố ga lắng cặn thu nước mưa về mương phía Tây Nam của dự án bằng 2 cửa xả.

Tọa độ xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiếu 3⁰)

+ Cửa xả 1: X(m) = 2317247, Y(m) = 603559

+ Cửa xả 02: X(m) = 2317201, Y(m) = 603620

Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Dự án:



Sơ đồ 8. Hệ thống thu gom thoát nước mưa của Dự án

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông

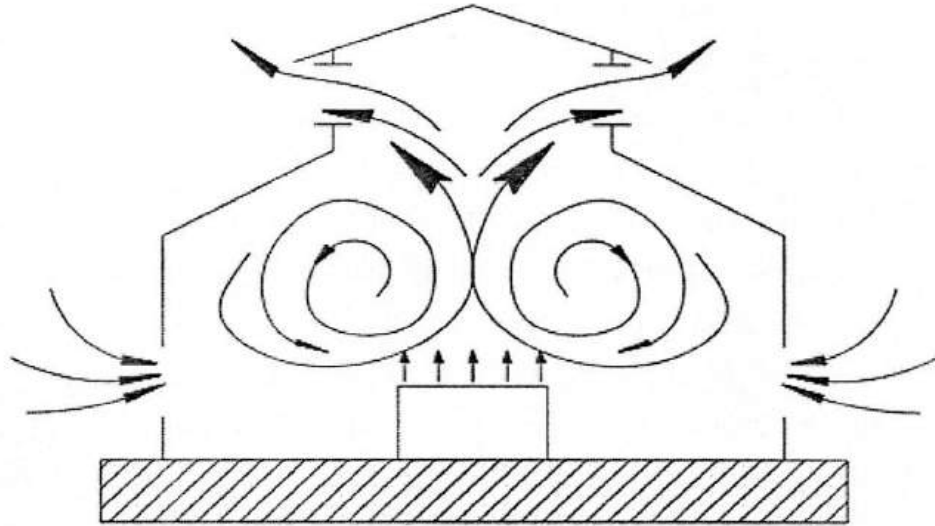
- Phun nước làm ẩm đường giao thông nhất là vào những ngày khô hanh và bố trí các phương tiện giao thông ra vào Dự án hợp lý. Tần suất từ 1-2 lần/ngày.
- Quy định tốc độ xe di chuyển trong khu vực Dự án.
- Quy định xe chờ đúng tải trọng theo định mức của động cơ.
- Bố trí các gara và bãi đỗ xe rộng rãi, thoáng, không để các phương tiện giao thông đỗ bừa bãi, nổ máy, sửa chữa khi nằm chờ trong khu vực nhà máy.
- Trồng nhiều cây xanh vừa tạo cảnh quan, vừa giảm thiểu bụi và tiếng ồn.
- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ.
- Vệ sinh thường xuyên các tuyến đường.
- Số người làm công tác vệ sinh công nghiệp: 1 người

b. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động may mặc

Công ty thực hiện biện pháp như sau:

- Áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng bằng biện pháp tự nhiên.

- Bố trí các quạt mát cho công nhân.



- Nguyên lý hoạt động của hệ thống thông gió tự nhiên:

Thông gió tự nhiên là hiện tượng trao đổi không khí bên trong nhà xưởng và ngoài do chênh lệch mật độ không khí. Thông gió tự nhiên được thực hiện nhờ gió, nhiệt hoặc tổng hợp cả hai.

Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do đó có sự trao đổi không khí bên ngoài với bên trong. Các phần tử không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài sẽ tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phần tử không khí bị dồn ép và có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài và thoát ra ngoài theo các cửa gió phía trên. Như vậy, ở một độ cao nhất định nào đó áp suất trong phòng bằng áp suất bên ngoài, vị trí đó gọi là vùng trung hoà.

Khi luồng gió đi qua sẽ tạo ra độ chênh cột áp ở 2 phía của nhà xưởng: Ở phía đối diện trực tiếp với luồng gió, tốc độ dòng không khí giảm đột ngột nên áp suất tĩnh cao, có tác dụng đẩy không khí vào nhà xưởng. Ngược lại, ở phía bên kia của nhà xưởng có dòng không khí xoáy quẩn nên áp suất giảm xuống tạo nên vùng chân không, có tác dụng hút không khí ra khỏi nhà xưởng.

c. Đối với hoạt động của nồi hơi

Dự án sử dụng nồi hơi điện, nên không có nguồn thải tác động tới môi trường không khí

d. Đối với mùi và khí thải từ bếp ăn

Để giảm thiểu khí CO₂ do sử dụng gas và mùi thức ăn trong quá trình đun nấu, đơn vị sẽ thiết kế hệ thống chụp hút và ống khói nhằm hút toàn bộ lượng mùi và khí

phát sinh ra bên ngoài và phát tán nhanh vào môi trường không khí, tránh để xảy ra ô nhiễm cục bộ trong nhà bếp.

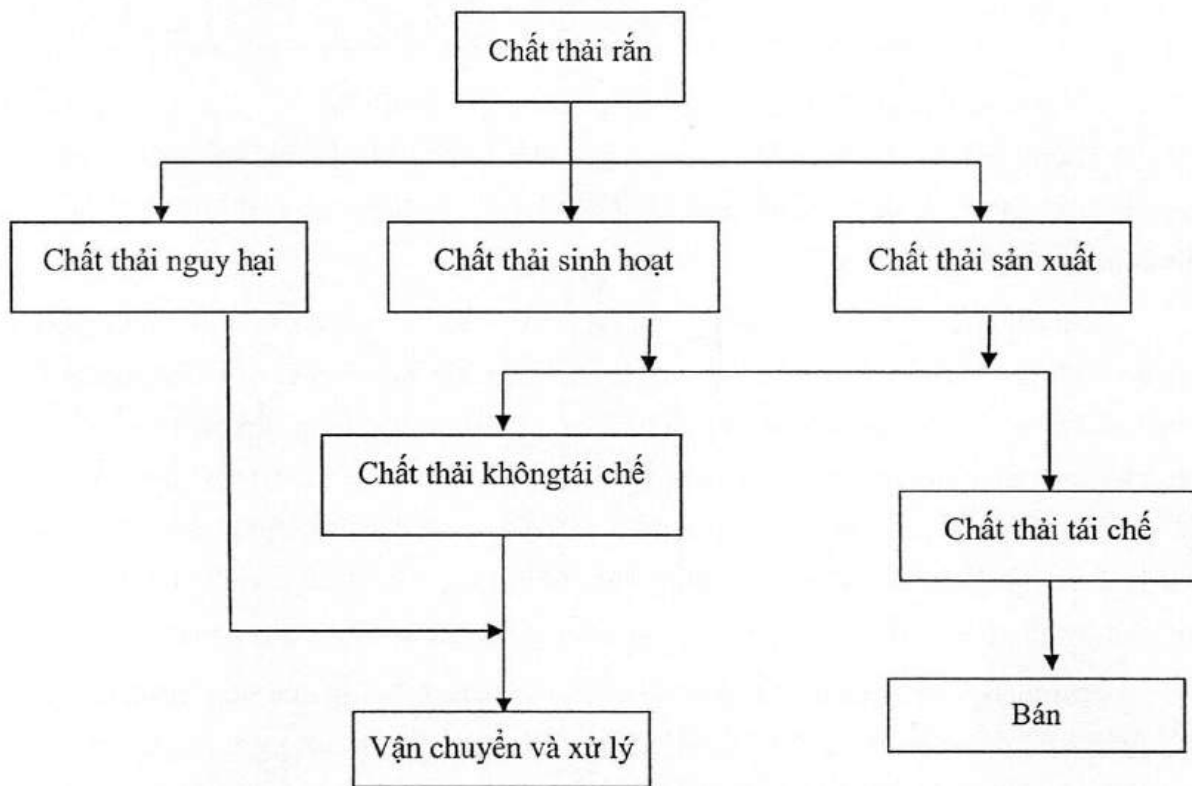
Thông số kỹ thuật của hệ thống:

- Quạt hút: $Q = 2.000 \text{ m}^3/\text{h}$;

- Ống phóng không cao 3m so với mặt đất; đường kính 0,2 m

2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Để giảm thiểu những nguy cơ tác động tới môi trường cũng như sức khỏe người lao động của các loại rác thải, Chủ dự án áp dụng biện pháp thích hợp như giám sát chặt chẽ quy trình vận hành, nâng cao nhận thức về môi trường cho công nhân..., hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định. Quy trình thu gom chất thải rắn được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 9. Quy trình thu gom, xử lý chất thải thông thường và CTNH

a. Đối với chất thải rắn sản xuất

Chất thải rắn sản xuất của Dự án chủ yếu là vải đầu tấm và vải vụn, lõi chỉ, ống giấy, hộp các tông, bìa... được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10. Danh mục các chất thải sản xuất

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTTT	Số lượng (kg/năm)

1	Chỉ, vải vụn, vải lõi	Rắn	10 02 10	3000
2	Giấy vụn, bìa carton, lõi cuộn vải, lõi chỉ	Rắn	12 08 03	1200
3	Bao bì nhựa, nilon	Rắn	18 01 06	1800
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 12	1500
	Tổng			7500

Đây là loại chất thải rắn không bị phân hủy sinh học, Dự án sẽ tiến hành thu gom vào kho chứa phân loại vào các mục đích sử dụng khác, hoặc bán cho các đơn vị thu mua làm nguyên liệu sản xuất, các chất thải còn lại không sử dụng được công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật

- Bố trí 6 thùng chứa chất thải loại 120 lít để lưu giữ chất thải thông thường.

- Chất thải rắn sản xuất được lưu giữ tại kho chứa chất thải có diện tích 15m², có mái che, tường bao, có biển báo theo quy định.

b. Chất thải rắn sinh hoạt

- Phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của lao động tại dự án. Thành phần chất thải bao gồm: Giấy vụn, phần thừa của các loại thực phẩm, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm... Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 124,7 kg/ngày (tương đương khoảng 37,41 tấn/năm).

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 03 thùng rác 60 lít tại khu vực nhà ăn ca và nhà văn phòng

- Thuê đơn vị có chức năng tại địa phương đến thu gom và vận chuyển theo quy định với tần suất thu gom từ 01 - 02 ngày/lần.

c. Đối với chất thải nguy hại

Bảng 11. Khối lượng và thành phần CTNH

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	8
2	Hộp mực in thải	Rắn	080204	6
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	190601	7

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
4	Dầu thải của các hộp số, động cơ xe nâng, từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị	Lỏng	17 02 03	80
5	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	15 01 01	60
6	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50
Tổng				210

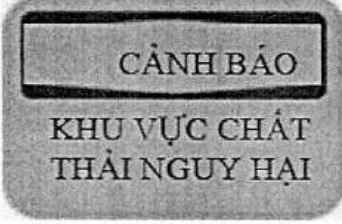

Dự án bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15m², nằm cạnh kho chất thải rắn, có biển báo phân loại đối với từng loại chất thải nguy hại.

- Trong kho có bố trí các thùng chứa CTNH và có biển cảnh báo. Số lượng thùng chứa gồm 6 thùng loại 25- 50 lít.

- Lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại, định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương để theo dõi và giám sát 1 năm/1 lần.

Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

Bảng 12. Dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại tại kho chứa

Ý nghĩa	Vị trí cảnh báo	Loại biển
Cảnh báo về khu vực có chất thải nguy hại	Tại kho chứa chất thải nguy hại	
Cảnh báo chung về sự nguy hiểm của chất thải nguy hại	Tại kho chứa chất thải nguy hại	 Chất thải nguy hại

<p>Cảnh báo chất thải là chất lỏng dễ cháy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các khu chứa dầu thải. - Trên thùng chứa dầu thải. 	 <p>Chất lỏng dễ cháy</p>
<p>Cảnh báo chất thải là chất rắn dễ cháy.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu chứa cặn dầu, mỡ bôi trơn thải, giẻ lau dính dầu 	 <p>Chất rắn dễ cháy</p>
<p>Cảnh báo về các chất có chứa thành phần gây độc hại cho hệ sinh thái.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các khu vực chứa các chất thải nguy hại của Dự án. - Thùng chứa chất thải nguy hại. 	 <p>Độc cho hệ sinh</p>

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh

Dự án thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng hướng dẫn và đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Nhà xưởng được xây dựng cao, rộng, thiết bị được đặt với khoảng cách hợp lý tránh hiện tượng cộng hưởng của tiếng ồn.

- Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động).

- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

2.5. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

a. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải

*** Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải**

Các sự cố hệ thống xử lý nước thải của Dự án được đánh giá bao gồm hệ thống hoạt động không ổn định, hỏng hóc thiết bị, nứt vỡ đường ống dẫn nước thải, nứt vỡ bể... Để phòng ngừa các sự cố trên, Dự án thực hiện các phương án phòng ngừa chung như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước thải từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống.

- Ghi nhật ký vận hành hệ thống: lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm, các chất độc, ảnh hưởng của nhiệt độ hàng ngày

- Thường xuyên kiểm tra vi sinh vật tại bể hiếu khí, nồng độ chất hữu cơ trong bể để có biện pháp khắc phục trước khi đưa hệ thống hoạt động tiếp.

+ Phương án khắc phục khi xảy ra sự cố:

- Trường hợp vỡ đường ống dẫn nước thải: ngắt bơm đẩy nước thải về hệ thống, dồn nước thải tạm về hố gom, đặt bơm hút hết lượng nước thải phát sinh về bể gom để xử lý, nhanh chóng nối lại ống bị vỡ và đưa vào vận hành bình thường

- Trường hợp phát hiện bơm chính trong các bể bị hỏng, dừng hoạt động: Sử dụng các bơm dự phòng để thay thế, đưa các bơm hỏng đi sửa chữa hoặc thay thế trong thời gian nhanh nhất.

- Trong trường hợp vỡ bể, Dự án tạm dừng hoạt động để khắc phục sự cố. Trường hợp nước thải chưa xử lý được sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý, đồng thời cải tạo lại hệ thống xử lý trước khi đưa vào hoạt động lại.

- Khi phát hiện chỉ tiêu nào đó trong mẫu nước thải đầu ra vượt giới hạn cho phép, Dự án sẽ khóa van xả nước thải. Căn cứ vào thông số vượt tiêu chuẩn sẽ bơm toàn bộ nước thải sau xử lý ở bể cuối cùng về các bể điều hòa để xử lý lại.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải thải ra tiếp tục được lưu trữ trong ngăn điều hòa và các ngăn khác trong hệ thống XLNT cho đến khi đầy thì phải dừng sản xuất đảm bảo khắc phục trước khi đi vào vận hành trở lại.

*** Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi**

- Thường xuyên kiểm tra tình hình vận hành của máy móc, thiết bị trong hệ thống

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

Ngoài ra tại các xưởng sản xuất, việc vận hành, bảo dưỡng thường xuyên máy móc thiết bị, quạt công nghiệp, thiết bị làm mát khác... sẽ sớm phát hiện các sự cố, sớm được sửa chữa khắc phục hoặc thay thế ngay.

b. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Biện pháp đảm bảo an toàn lao động**

- Tất cả công nhân tham gia lao động tại Dự án đều được học tập về các quy định an toàn và vệ sinh lao động.

- Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Tuân thủ các qui định về an toàn lao động khi sản xuất, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc để ngăn ngừa tai nạn.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã.

- Đảm bảo chế độ làm việc cho công nhân như: Ánh sáng khu vực làm việc đạt tiêu chuẩn cho phép, Nước uống được bố trí đầy đủ tại nhà xưởng, Phối hợp với các cơ quan y tế tại địa phương để có thể cứu thương kịp thời các ca tai nạn có thể xảy ra.

- Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động.

- Thiết lập các bảng hướng dẫn, nội quy vận hành thiết bị máy móc.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố điện.

*** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố mất an toàn lao động:**

- Ngừng ngay hoạt động của máy, thiết bị và các hoạt động tại nơi có sự cố.

- Không được buộc người lao động tiếp tục làm việc hoặc trở lại nơi làm việc khi các nguy hiểm chưa được khắc phục.

- Thực hiện các biện pháp để cứu người và tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động. Gọi cấp cứu y tế (115) nếu có người bị tai nạn.

- Kịp thời thông báo với chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố.

*** Đối với biện pháp PCCC**

Với mục đích giảm thiểu những ảnh hưởng bất lợi tới môi trường trên cơ sở phòng chống sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất. Dự án sẽ thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013. Cụ thể như sau:

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của Nhà máy;

- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy

- Có văn bản đã thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy;

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy, được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Bộ Công an và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại Nhà máy theo quy định;

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

*** Ngoài ra Dự án còn áp dụng một số biện pháp sau:**

- Cách ly mọi nguồn phát tia lửa điện tại các khu vực có chứa NVL dễ cháy.

- Nâng cao trình độ năng lực quản lý và tinh thần trách nhiệm cho người lao động.

- Hệ thống đường điện của dự án đảm bảo hành lang an toàn điện, các thiết bị được nối đất.

- Hàng năm có kế hoạch huấn luyện và kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy cho toàn bộ CBCNV.

- Các thiết kế chi tiết phải đảm bảo yêu cầu về PCCC của công trình.

- Đầu tư lắp đặt và trang bị đầy đủ hệ thống PCCC như thiết kế đã được thẩm duyệt.

- Trong khuôn viên Dự án có bố trí các bảng nội quy tiêu lệnh PCCC, cấm lửa và cấm hút thuốc.

- Trang bị các bình chữa cháy: Bình bột chữa cháy ABC 4kg (MFZ4), bình bột chữa cháy ABC 8kg (MFZ8), bình chữa cháy CO₂ 3kg (MT3), bình chữa cháy CO₂ 5kg (MT5), bình bột chữa cháy 35 kg (MFZT35) và hệ thống các biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc, nội quy, tiêu lệnh về PCCC.

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân công tác phòng cháy chữa cháy trước khi vào sản xuất, có đội chữa cháy được huấn luyện tốt và luôn ở trạng thái thường trực. Tần suất 1 lần/năm.

*** Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ:**

Khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các CBCNV của Dự án hay là khách hàng đều phải thực hiện các biện pháp sau:

- Ngắt ngay cầu dao điện.

- Báo động qua hệ thống điện thoại.

- Báo động qua keng báo động.

- Trực tiếp báo cho Công an Phòng cháy, chữa cháy tỉnh Hải Dương qua số điện thoại 114.

- Di tản người và tài sản ra ngoài vùng bị cháy.

- Gọi cấp cứu y tế (115) nếu có người bị tai nạn.

- Huy động các CBCNV tập trung chữa cháy trong khi chờ đội cứu hỏa tới.

*** Giải pháp phòng chống sét**

- Bố trí một hệ thống nối đất an toàn cho các thiết bị. Các vỏ máy tủ điện và các phần kim loại của hệ thống điện đều phải nối đất. Hệ thống nối đất an toàn cho các thiết bị được thiết kế đi độc lập với hệ thống nối đất chống sét. Điện trở nối đất của hệ thống an toàn cho các thiết bị phải đảm bảo $R_{nd} \leq 4\Omega$.

- Hệ thống chống sét cho công trình sử dụng đầu kim thu sét được sản xuất theo công nghệ tiên tiến. Dây nối đất dùng loại cáp đồng trục được bọc đồng có thể lắp ngay bên trong công trình để cách ly hoàn toàn dòng sét ra khỏi công trình và hạn chế tác hại của trường điện từ lên các thiết bị điện tử. Sử dụng kỹ thuật nối hình tia chân chim đảm bảo tổng trở điện thấp và giảm điện thế gây nguy hiểm cho người và thiết bị. Điện trở nối đất của hệ thống chống sét phải đảm bảo nhỏ hơn 10Ω .

*** Giải pháp an toàn giao thông**

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa theo giờ.
- Tránh vận chuyển vào giờ cao điểm
- Xe vận chuyển đúng trọng tải, đi đúng tốc độ cho phép
- Đi đúng tốc độ cho phép
- Người lái xe phải có giấy phép lái xe và hiểu luật an toàn giao thông
- Tuyên truyền cho cán bộ CNV trong đơn vị về thực hiện an toàn giao thông

*** Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến trật tự an ninh xã hội**

- Hướng dẫn kê khai tạm trú, tạm vắng cho các công nhân từ các địa phương khác đến nhằm quản lý các hoạt động của họ tại địa phương.

- Ưu tiên thuê công nhân làm việc ngay tại địa phương, vừa góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương, vừa giảm được áp lực về quản lý nhân sự.

- Thành lập tổ công tác đời sống, thường xuyên quan tâm tới đời sống tinh thần cho những công nhân từ các địa phương khác tới cũng như các công nhân tại địa phương. Đồng thời có vai trò hoà giải những mâu thuẫn, xung đột phát sinh giữa các công nhân với nhau cũng như với dân địa phương.

- Công tác tư tưởng cho công nhân để họ có một cuộc sống lành mạnh, góp phần giữ gìn an ninh trật tự xã hội trong khu vực.

- Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm đến nội quy, gây mất an ninh, trật tự xã hội.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi

- Nước thải sinh hoạt làm tăng hàm lượng các chất ô nhiễm (BOD, COD, SS và các chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học) đối với nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án; gây suy thoái môi trường nước và ảnh hưởng đến các loài thủy sinh.

- Để đảm bảo chất lượng nguồn nước của kênh mương tiếp nhận nước thải của khu vực, Dự án xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi xả ra ngoài môi trường. Do đó các tác động của việc xả thải đến hệ thống kênh mương thủy lợi cũng như hệ sinh thái của khu vực là không đáng kể.

- Không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của kênh mương thủy lợi.
- Phối kết hợp với chính quyền địa phương nạo vét, làm sạch kênh mương tiếp nhận nước thải.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

Bảng 13. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án	
1	Nước thải	Hệ thống thu gom riêng biệt nước mưa, nước thải
		Bể phốt xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt,
		Bể tách mỡ xử lý nước thải nhà ăn, thể tích 1m ³
		Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m ³ /ngày đêm
2	Bụi và khí thải	Hệ thống chụp hút khí thải nhà bếp
		Hệ thống thông gió nhà xưởng
		Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung
		Biện pháp trồng cây xanh và bê tông hóa sân đường
		Biện pháp vệ sinh công nghiệp trong nhà xưởng
		Thiết bị lưu giữ, thu gom chất thải sản xuất. Khu vực chứa diện tích 15m ²
		Thiết bị lưu giữ, thu gom chất thải nguy hại. Khu vực chứa diện tích 15m ²
3	Các hạng mục công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố và các công trình khác	Hệ thống phòng chống cháy nổ, chống sét
		Biện pháp an toàn lao động
		Biện pháp an toàn giao thông
		Biện pháp phòng chống, ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi và khí thải

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

- Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục.

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường

TT	Các công trình, thiết bị bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp
----	--	------------------

1	Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt	Giai đoạn thi công xây dựng
2	Bể phốt xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt	
3	Hệ thống quạt công nghiệp thông thoáng nhà xưởng	
4	Hệ thống chụp hút khí thải nhà bếp	
5	Hệ thống xử lý nước thải	
6	Khu vực chứa chất thải rắn thông thường, khu vực chất thải nguy hại	

3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 15. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Các biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch tổ chức thực hiện
I	Giai đoạn xây dựng	
1	Tưới nước làm ẩm đường	Do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện trong giai đoạn xây dựng
2	Sử dụng bạt để che phủ đồng vật liệu, xe vận chuyển	
3	Khơi thông dòng chảy khi mưa lớn	
4	Lắp đặt nhà vệ sinh lưu động	
5	Đặt các thùng chứa rác thải	
II	Giai đoạn vận hành	
1	Thu gom và thoát nước mưa	Do chủ dự án thực hiện trong giai đoạn
2	Thu gom nước thải vào hệ thống xử lý	
3	Xử lý bằng sơ bộ nước thải sinh hoạt bằng bể phốt, bể tách mỡ	
4	Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 20m ³ /ngày đêm	
6	Vận hành hệ thống chụp hút khí thải nhà bếp, thông thoáng nhà xưởng	
7	Thu gom chất thải về các kho chứa chất thải. Thực hiện phân loại chất thải, thuê các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại	

8	Lắp đặt và vận hành hệ thống PCCC	đưa dự án vào hoạt động
9	Lắp đặt các thiết bị chống sét, an toàn sử dụng điện	
10	Thực hiện các biện pháp an toàn lao động	
11	Thực hiện các biện pháp an toàn giao thông	
12	Thực hiện các biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm	
13	Thực hiện các biện pháp phòng chống, ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý nước thải	

3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

Bảng 16. Kinh phí đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Nội Dung	Đơn vị	Kinh phí
I	Giai đoạn xây dựng		
1	Tưới nước làm ẩm đường	VNĐ	10.000.000
2	Sử dụng bạt để che phủ đồng vật liệu, xe vận chuyển	VNĐ	20.000.000
3	Khởi thông dòng chảy khi mưa lớn	VNĐ	10.000.000
4	Lắp đặt nhà vệ sinh lưu động	VNĐ	30.000.000
5	Lắp đặt các thùng chứa rác thải	VNĐ	10.000.000
II	Giai đoạn vận hành		
1	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	VNĐ	120.000.000
2	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải	VNĐ	50.000.000
3	Xây dựng bể phốt, bể tách mỡ	VNĐ	100.000.000
4	Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m ³ /ngày đêm	VNĐ	450.000.000
5	Xây dựng khu vực chứa rác thải thông thường, chất thải nguy hại và chất thải sinh hoạt	VNĐ	30.000.000
6	Lắp đặt các hệ thống PCCC	VNĐ	300.000.000
7	Lắp đặt các thiết bị chống sét, an toàn sử dụng điện	VNĐ	200.000.000

Bảng 17. Kinh phí vận hành các công trình BVMT

TT	Nội dung	Đơn vị tính/năm	Kinh phí
I. Giai đoạn thi công xây dựng		VNĐ	
1	Vận hành nhà vệ sinh lưu động	VNĐ	5.000.000
2	Kinh phí cho tổ vệ sinh	VNĐ	2.000.000
3	Kinh phí thuê xử lý rác thải sinh hoạt	VNĐ	3.000.000
4	Kinh phí thuê xử lý phế thải xây dựng	VNĐ	20.000.000
5	Kinh phí thuê xử lý chất thải nguy hại	VNĐ	10.000.000
II. Giai đoạn vận hành		VNĐ	
1	Kinh phí nạo vét và vận hành hệ thống thoát nước mưa	VNĐ	10.000.000
2	Kinh phí nạo vét và vận hành hệ thống xử lý nước thải	VNĐ	20.000.000
3	Kinh phí vận hành bể phốt	VNĐ	5.000.000
4	Kinh phí thuê xử lý rác thải thông thường	VNĐ	10.000.000
5	Kinh phí thuê xử lý chất thải nguy hại	VNĐ	10.000.000
6	Kinh phí quản lý môi trường, lương tổ vệ sinh môi trường	VNĐ	20.000.000

3.5. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Chủ đầu tư ký hợp đồng thi công xây dựng với các nhà thầu, sẽ có điều khoản đảm bảo rằng Nhà thầu thực thi các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đã đề ra trong báo cáo của dự án.

Chủ đầu tư sẽ có nhân viên chuyên trách theo dõi và giám sát trực tiếp trong suốt quá trình thi công xây dựng, đảm bảo rằng những biện pháp giảm thiểu và các yêu cầu giám sát được nêu trong kế hoạch QLMT sẽ được thực hiện trên thực tế.

b. Giai đoạn vận hành

Trong giai đoạn vận hành, Chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong nội dung báo cáo giấy phép môi trường.

- + Đảm bảo công tác quét dọn, vệ sinh công nghiệp
- + Thực hiện các giải pháp giảm thiểu môi trường không khí trong hoạt động sản xuất, trồng cây xanh trong khuôn viên dự án
- + Vận hành hệ thống thoát nước mưa
- + Vận hành hệ thống thu thoát và xử lý nước thải
- + Vận hành hệ thống thu gom rác thải
- + Giám sát công tác thu gom rác thải
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến BVMT

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Báo cáo đề nghị cấp GPMT của Dự án được xây dựng dựa trên các phương pháp đang được áp dụng phổ biến hiện nay và dựa trên các tài liệu, số liệu có độ tin cậy cao.

Các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng trong báo cáo là những phương pháp phổ biến hiện nay. Tuy mỗi phương pháp đều có những ưu nhược điểm riêng song chúng lại bổ trợ cho nhau để xây dựng lên một bức tranh tổng thể, chi tiết về các tác động môi trường khi thực hiện dự án cả về định tính và định lượng. Cụ thể như sau:

+ Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm của WHO: Phương pháp này do WHO thực hiện nhằm ước tính tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động của Dự án. Các hệ số ô nhiễm đối với từng loại máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, loại hình sản xuất đã được WHO quan trắc, phân tích, nghiên cứu, thống kê từ nhiều nguồn qua nhiều năm nên có mức độ tin cậy cao. Tuy nhiên, do sự phát triển của khoa học công nghệ ngày càng nhanh nên các số liệu có phần lạc hậu so với hiện tại song vẫn có thể chấp nhận được trong phạm vi của báo cáo

+ Phương pháp thống kê: Là phương pháp đơn giản do chỉ cần thu thập và liệt kê từ các tài liệu, báo cáo khoa học đã có sẵn. Mức độ tin cậy của các số liệu phụ thuộc vào các tổ chức, cơ quan thống kê, nghiên cứu.

+ Phương pháp kế thừa: Sử dụng các thông tin, số liệu của nhà máy có hoạt động sản xuất tương tự trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

+ Phương pháp so sánh: Là phương pháp đơn giản và có độ tin cậy cao bởi chỉ cần so sánh kết quả quan trắc và phân tích môi trường với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

+ Phương pháp khảo sát, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm các thông số về chất lượng môi trường: Các phương pháp này được tiến hành theo đúng quy định hiện hành của các TCVN tương ứng. Tuy nhiên có các sai số không thể tránh khỏi như sai số thiết bị, sai số do khâu phân tích... Tuy nhiên việc tiến hành lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm đều được thực

hiện bởi đơn vị có nhân lực được đào tạo cơ bản và có trang thiết bị phân tích hiện đại nên kết quả phân tích có độ tin cậy cao.

- Về các tài liệu sử dụng:

Tất cả các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo trên đều được tham chiếu từ các tư liệu chính thống đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Các sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và tham khảo tại các trường Đại học như ĐHBK Hà Nội, ĐH Xây dựng, ĐH Kiến trúc... Các tài liệu, dữ liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội khu vực dự án được các nhà khoa học, cơ quan chính quyền theo dõi, tính toán, đo đạc rất cụ thể nên kết quả cũng đáng tin cậy.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- Lưu lượng xả nước thải tối đa:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, lưu lượng tối đa 20 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng (là dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận)
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của dòng nước thải: các chất ô nhiễm đạt giá trị C_{max} của QCVN 14:2008/BTNMT, mức B với giá trị k=1,2

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, mức B	
			C	C _{max}
1	pH	-	5-9	5-9
2	BOD5 (20 ⁰ C)	mg/l	50	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	1200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	4.8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
- + Điểm xả nước thải sau xử lý:

++ Tọa độ xả nước thải: $X(m) = 2317246$, $Y(m) = 603561$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

+ Vị trí xả thải: Mương tưới tiêu giáp phía Tây Nam của Dự án.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tưới tiêu giáp phía Tây Nam của Dự án

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất.

+ Nguồn số 01: Dây chuyền sản xuất xưởng 1

+ Nguồn số 02: Dây chuyền sản xuất xưởng 2

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

+ Nguồn số 01: $X(m) = 2317276$, $Y(m) = 603620$

+ Nguồn số 02: $X(m) = 2317245$, $Y(m) = 603596$

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT. Cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	75	Mức nền	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	8
2	Hộp mực in thải	Rắn	080204	6
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	190601	7
4	Dầu thải của các hộp số, động cơ xe nâng, từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị	Lỏng	17 02 03	80
5	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	15 01 01	60
6	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	50
Tổng				210

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTTT	Số lượng (kg/năm)
1	Chỉ, vải vụn, vải lỗi	Rắn	10 02 10	3000
2	Giấy vụn, bìa carton, lõi cuộn vải, lõi chỉ	Rắn	12 08 03	1200
3	Bao bì nhựa, nilon	Rắn	18 01 06	1800
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 12	1500
Tổng				7500

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: 37,41 tấn/năm.

4.2. Biện pháp quản lý chất thải

a. Chất thải sinh hoạt

- Đặt các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải sinh hoạt, số lượng 3 thùng, dung tích 60 lít/thùng để thu gom chất thải sinh hoạt. Thuê đơn vị có chức năng thu gom hàng ngày.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại; hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước mưa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

b. Chất thải rắn thông thường

- Bố trí kho chứa chất thải thông thường diện tích 15m². Kết cấu tường xây gạch, nền láng xi măng, chống thấm, mái lợp tôn.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật..

c. Chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 15m². Kết cấu tường xây gạch, nền láng xi măng, chống thấm, mái lợp tôn. Trang bị các thùng chứa trong kho để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, dán biển cảnh báo chất thải nguy hại, dán mã CTNH đối với từng loại chất thải nguy hại.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm: 6 tháng sau khi đưa dự án vào vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Vị trí lấy mẫu	KH	Thông số	Tần suất	Thời gian
Hệ thống xử lý nước thải công suất 20m ³ /ngày đêm				
Nước thải tại hố thu	Nt1	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ , dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ , Coliform	01 lần	6 tháng sau khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm
Nước thải sau xử lý	Nt2		01 ngày/lần lấy 03 ngày liên tiếp	

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải

Theo điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc định kỳ chất lượng nước thải.

2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Theo điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc định kỳ chất lượng khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc nước thải tự động, liên tục

Theo điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, nếu có gì sai trái chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

* Môi trường không khí: Các chất ô nhiễm trong khí thải của dự án khi thải ra môi trường bảo đảm đạt các tiêu chuẩn sau:

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 26/2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc.

* Tiếng ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình thi công xây dựng và hoạt động ổn định của dự án sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

- QCVN 24/2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

* Độ rung: Đảm bảo độ rung sinh ra từ quá trình thi công xây dựng và hoạt động ổn định của dự án sẽ đạt các quy chuẩn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc.

* Nước thải: Các nguồn nước thải của dự án khi thải ra mương thoát nước của khu vực bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT áp dụng mức B, giá trị C_{max} với hệ số $K=1,2$

* Chất thải rắn: Thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải rắn.

* Chất thải nguy hại: Tuân thủ đầy đủ các nội dung của các quy định về thu gom, xử lý chất thải nguy hại - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Cam kết các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC